

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

(Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0300373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/3/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 8/12/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số 18...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 3 năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Địa chỉ: Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 84-(220) 375 59 98

Fax: 84-(220) 375 51 13

Website: www.anphatplastic.com

Email: anphat@anphatplastic.com

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Địa chỉ: Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3823 3299

Fax: (84-28) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Đoàn Việt Khương

Chức vụ : Trưởng phòng quản lý và hỗ trợ thông tin

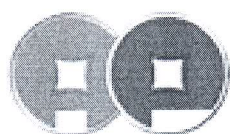
Điện thoại : 84-(220) 375 59 98

Fax : 84-(220) 375 51 13

Hải Dương, tháng 03 năm 2018

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



AN PHAT PLASTIC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

(Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/3/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 8/12/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số ...18...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 3 năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Địa chỉ: Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 84-(220) 375 59 98

Fax: 84-(220) 375 51 13

Website: www.anphatplastic.com

Email: anphat@anphatplastic.com

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Địa chỉ: Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3823 3299

Fax: (84-28) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Đoàn Việt Khương

Chức vụ : Trưởng phòng quản lý và hỗ trợ thông tin

Điện thoại : 84-(220) 375 59 98

Fax : 84-(220) 375 51 13

Hải Dương, tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

(Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/3/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 8/12/2017)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Mã cổ phiếu:	AAA
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông - Tự do chuyên nhượng
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	14.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán:	83.599.988 cổ phiếu (tương đương 100% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty)
Tổng giá trị chào bán: (theo mệnh giá)	835.999.880.000 đồng (<i>Bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng</i>)
Phương thức phát hành:	Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Địa chỉ: Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3823 3299

Fax: (84-28) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6664 2777

Fax: (84-24) 6664 3777

Website: www.ifcvietnam.com.vn

Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	8
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	9
5. Rủi ro pha loãng.....	10
6. Rủi ro quản trị công ty.....	11
7. Rủi ro khác.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.....	13
2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	22
4. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban trong Công ty.....	22
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	26
6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	28
7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	29
8. Hoạt động kinh doanh.....	32
9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	43
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	46
11. Chính sách đối với người lao động.....	50
12. Chính sách cổ tức.....	52
13. Tình hình tài chính.....	53
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	76
1. Loại cổ phiếu.....	76
2. Mệnh giá.....	76

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	76
4. Giá chào bán dự kiến.....	76
5. Phương pháp tính giá	76
6. Phương thức phân phối	76
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	78
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	80
9. Phương thức thực hiện quyền.....	81
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	81
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	81
12. Các loại thuế có liên quan	82
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	83
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	84
1. Mục đích chào bán	84
2. Phương án khả thi.....	84
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	95
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	96
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT), TỔ CHỨC TƯ VẤN, TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH	96
X. PHỤ LỤC	96

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là “An Phát” hoặc “AAA” hoặc “Công ty”) là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa tự phân hủy tại Việt Nam, đồng thời cũng được biết đến là thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực kinh doanh thương mại hạt nhựa cho các nhà máy của Việt Nam. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động của Công ty chịu rủi ro từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

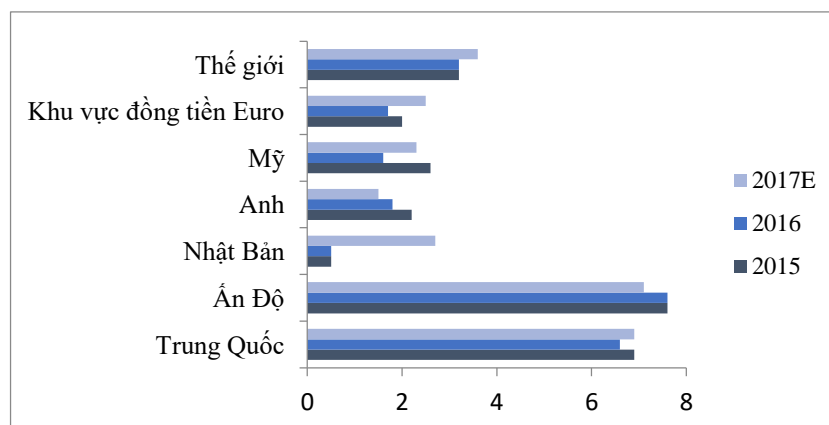
Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty có hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thương mại, hàng hóa.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trái ngược với tình hình địa - chính trị thế giới, bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2017 được đánh giá khá tích cực. Từ đầu tàu kinh tế thế giới cho tới các nước phát triển và mới nổi, các hoạt động kinh tế đều được ghi nhận khả quan hơn so với dự báo ban đầu. Quyết định của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và nhiều tổ chức tài chính khác trên thế giới đồng loạt nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu lên 3,7% hoặc 3,6%, cao hơn nhiều so với con số 3,2% đạt được trong năm 2016, đã phần nào khẳng định sự phục hồi mạnh mẽ của kinh tế thế giới trong năm qua.

Không chỉ Mỹ, Trung Quốc, mà Châu Âu, Nhật Bản, những nền kinh tế vốn được xem có tốc độ tăng trưởng ẽo uột trong nhiều năm qua, cũng đã bứt phá và trở thành động lực thúc đẩy kinh tế toàn cầu khởi sắc.

Hình 1: Tăng trưởng GDP toàn cầu (% thay đổi so với năm trước)



Nguồn: IMF

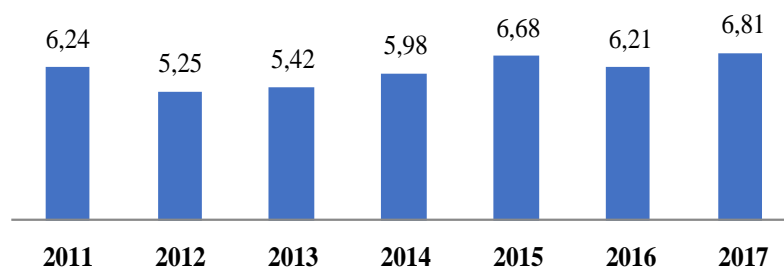
Theo báo cáo "Viễn cảnh Kinh tế Toàn cầu tháng 1/2018" vừa được WB công bố, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2018 được dự báo sẽ tăng và đạt mức 3,1%, tiếp tục thời

kỳ tăng trưởng cao hơn dự đoán trong năm 2017. Tăng trưởng năm 2018 tăng nhờ đầu tư, công nghiệp chế tạo và thương mại đều hồi phục và do các nền kinh tế xuất khẩu nguyên vật liệu được hưởng lợi từ xu thế tăng giá các loại mặt hàng này.

Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta. Ở trong nước, bên cạnh các vấn đề tồn tại của nền kinh tế như chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, cùng với giá thịt lợn giảm mạnh, thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp và thách thức mục tiêu tăng trưởng năm 2017 của cả nước.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 - 2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,9% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

Hình 2: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam (%) 2011 - 2017



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năm 2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao và nền tảng kinh tế vĩ mô dần được cải thiện sẽ là cơ sở để duy trì tốc độ tăng trưởng cho năm 2018.

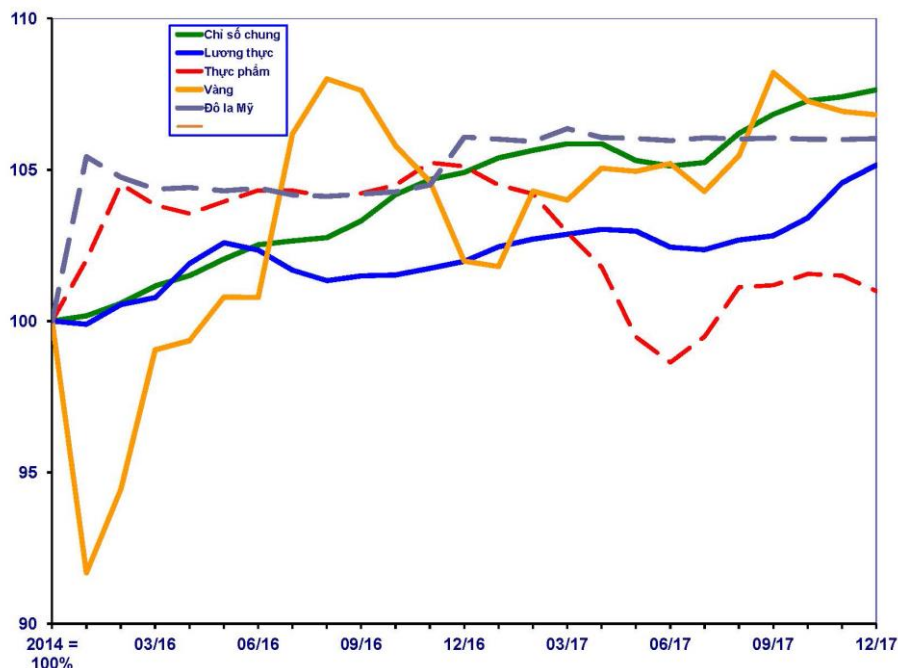
Đối với Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, những hoạt động kinh doanh sắp tới chắc chắn sẽ chịu tác động từ sức tăng trưởng của nền kinh tế, khi mà tốc độ tăng trưởng kinh tế tác động trực tiếp tới nhu cầu đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh tại các dự án mà Công ty đang triển khai, qua đó ảnh hưởng đến sức cầu đối với sản phẩm của các dự án này.

1.2. Tình hình lạm phát

CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016 và tăng 2,6% so với tháng 12 năm 2016. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2017 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý

đặt ra trong năm 2017.

Hình 3: Chỉ số giá tiêu dùng trong nước 2016 – 2017, % so với cùng kỳ năm ngoái



Nguồn: Tổng cục Thống kê

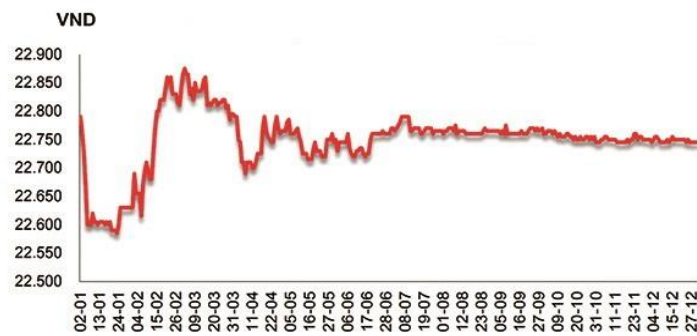
CPI bình quân năm 2017 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu như: (1) Các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC và Thông tư số 02/2017/TT-BYT; (2) Thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; (3) Việc tăng lương tối thiểu vùng áp dụng cho người lao động ở các doanh nghiệp từ ngày 1/1/2017 và mức lương cơ sở áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang từ ngày 1/7/2017 làm giá bình quân một số loại dịch vụ như sửa chữa đồ dùng gia đình, bảo dưỡng nhà ở, dịch vụ điện, nước, dịch vụ thuê người giúp việc gia đình năm 2017 tăng từ 3%-8% so với năm 2016. Ngoài ra còn một số yếu tố về thị trường, nhu cầu du lịch tăng, một số địa phương bị ảnh hưởng thiên tai, thời tiết bất lợi cũng làm CPI năm nay tăng so với năm 2016.

Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2017, trong đó chỉ số giá nhóm thực phẩm bình quân năm giảm 2,6% so với năm 2016 (chủ yếu giảm ở nhóm thịt tươi sống); các cấp, các ngành tích cực triển khai các biện pháp bình ổn giá cả thị trường trong dịp Tết Nguyên Đán; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, tổ chức các đoàn công tác liên ngành kiểm tra tình hình triển khai thực hiện công tác quản lý bình ổn giá tại một số địa phương. Cùng với đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

1.3. Tỷ giá

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2017 tăng 0,02% so với tháng trước và giảm 0,05% so với cùng kỳ năm 2016; bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với năm 2016.

Hình 4: Diễn biến tỷ giá VND/USD năm 2017



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Kết thúc 2017, tỷ giá VND/USD đã có diễn biến khá ổn định khi gần như chỉ đi ngang trong 2 quý cuối năm. Nhìn lại diễn biến tỷ giá năm qua, sẽ thấy mặc dù có xu hướng tăng mạnh ở đầu năm vào tháng 1, đầu tháng 2 và giữa tháng 4/2017, nhưng đến hết năm, VND/USD chỉ dao động khoảng 1,5%-1,7% so với mức tăng đầu năm, tính theo tỷ giá trung tâm. Theo đó, 1 USD = 22.745 VND. Như vậy, tỷ giá Việt Nam năm 2017 gần như không có những đợt tăng, giảm đột biến như những năm trước, trừ tác động theo “mùa vụ” chu kỳ cuối năm và tác động của đồng bạc xanh đi theo bầu cử Tổng thống Mỹ. Thị trường ngoại tệ nhìn chung đã có 1 năm ổn định và Bloomberg bình chọn VND là 1 trong 3 đồng nội tệ thuộc quốc gia ổn định nhất trong khu vực Châu Á.

1.4. Lãi suất

Lãi suất huy động trong năm 2017 tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế.

Lãi suất cho vay tăng hoặc giảm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty vì trên 1/2 nguồn vốn của Công ty là phụ thuộc vào vốn vay. Ngoài ra, khi lãi suất biến động thì việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng mạnh vì khi khách hàng mua sản phẩm của Công ty thường là phải cần nguồn tài trợ vốn vay từ ngân hàng. Mức lãi suất được dự báo duy trì ở mức thấp và ổn định trong năm 2018 sẽ là thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

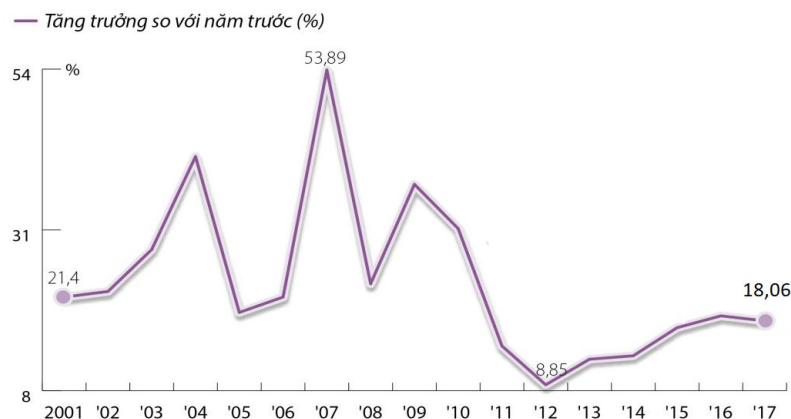
1.5. Tăng trưởng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng tính đến 31/12/2017 ước khoảng 18,06%. Con số này thấp hơn khoảng 3% so với mục tiêu Chính phủ điều chỉnh. Xét về cơ cấu kỳ hạn, tỷ trọng tín dụng trung và dài hạn có xu hướng giảm sau khi tăng liên tục trong giai đoạn 2013 - 2016. Tín

dụng trung dài hạn chiếm 53,7% tổng tín dụng (năm 2016 là 55,1%).

Điều này cho thấy, tình hình phát hành các công cụ nợ dài hạn của các doanh nghiệp bắt đầu khởi sắc. Phân theo ngành nghề, tín dụng đối với các ngành công nghiệp, thương mại và hoạt động dịch vụ khác chiếm tỷ trọng 78,4%, tăng 21,8%; trong khi tỷ lệ này của 2016 là 77,8%. Ngoài ra, tín dụng vào lĩnh vực nông nghiệp tăng khoảng 18,7% (chiếm tỷ trọng khoảng 8,11% tổng tín dụng).

Hình 5: Tăng trưởng tín dụng qua các thời kỳ



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Ngân hàng nhà nước

Cùng đó, tỷ trọng tín dụng vào hoạt động kinh doanh bất động sản và xây dựng giảm nhẹ, mức tăng đạt 12,2% so với năm 2016, chiếm 15,8% tổng tín dụng (năm 2016 là 17,1%). Đáng chú ý, trong dư nợ cho vay hoạt động dịch vụ khác, cho vay đối với ngành hoạt động làm thuê, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình có mức tăng trưởng mạnh nhất và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu tín dụng theo ngành nghề, tỷ trọng tăng từ 8,8% (năm 2012) lên khoảng 16,1% năm 2017.

2. Rủi ro về luật pháp

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên HOSE - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro về thị trường

Lĩnh vực sản xuất bao bì nói chung và bao bì thân thiện với môi trường nói riêng phát triển mạnh mẽ trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Số lượng của các công

ty mới xâm nhập vào ngành với sự chuẩn bị và đầu tư kỹ lưỡng không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ không lớn, vòng đời sản phẩm ngắn nên doanh nghiệp luôn phải vận động không ngừng, tìm tòi sáng tạo nếu muốn tồn tại trong một môi trường kinh doanh khốc liệt.

Với ưu điểm sản phẩm chất lượng cao và uy tín, Công ty định hướng xuất khẩu toàn bộ sản phẩm cho các nhà phân phối nước ngoài, không phân phối tại thị trường trong nước. Hiện nay hơn 92% doanh thu của Công ty đến từ các thị trường nước ngoài như Châu Âu, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc...

Với trình độ công nghệ sản xuất hiện đại, sản phẩm đạt chất lượng cao và thân thiện với môi trường, và có mối quan hệ truyền thống lâu dài với các đối tác, sản phẩm của Công ty đã được kiểm nghiệm chất lượng tại các thị trường nước ngoài, có khả năng cạnh tranh với các nhà sản xuất từ Trung Quốc hay các nước khác.

Hiện nay, ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện kế hoạch chinh phục các thị trường khó tính hơn như Mỹ và Úc. Với định hướng này, rủi ro hàng giả, hàng kém chất lượng trong nước ít ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín thương hiệu của Công ty. Ngoài ra, sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường của Công ty đặc biệt phù hợp với thị hiếu các nước phát triển nên có tiềm năng phát triển trong tương lai.

3.2. Rủi ro về nguyên nhiên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là những nguyên vật liệu này hiện nay trong nước chưa sản xuất được hay sản xuất với sản lượng rất hạn chế, chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài. Nếu Công ty không có chính sách dự trữ hợp lý nguyên vật liệu, tình hình biến động thường xuyên về giá xăng dầu dẫn tới biến động về giá hạt nhựa như hiện nay có thể gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay AAA đã thực hiện việc kiểm soát rủi ro nguyên vật liệu thông qua việc mua nguyên liệu hàng tháng tùy theo đơn hàng từ phía khách hàng đặt. Công ty không còn tích trữ hàng tồn kho nhiều như trước đây. Việc này sẽ giảm thiểu rủi ro bị lỗ, giúp Công ty kiểm soát chi phí đầu vào tốt hơn.

Ngoài nguyên vật liệu chính là hạt nhựa nguyên sinh, CaCO₃ cũng là một chất phụ gia quan trọng trong cơ cấu nguyên liệu sản xuất. Công ty đã hạn chế được các rủi ro từ nguyên vật liệu do chủ động được nguồn cung cấp CaCO₃ từ nhà máy trên Yên Bái. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất tái chế hạt nhựa nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của Công ty cũng như cung ứng ra thị trường.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

83.599.988 cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Giá cổ phiếu được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế vĩ mô của nhà đầu tư. Giá cổ phiếu Công ty không nằm ngoài quy luật chung đó. Do vậy,

thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán.

4.2. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Theo Nghị quyết ĐHCĐ số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 08/02/2018, số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được dùng để đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (Công ty con của Công ty) nhằm đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp nhựa kỹ thuật cao tại Khu Công nghiệp Kenmark – Việt Hòa – Hải Dương (Nhà máy số 09) và để đầu tư vào Dự án Nhà máy sản xuất bao bì màng phức hợp (Nhà máy số 08). Ngành sản xuất bao bì nhựa thay đổi công nghệ khá nhanh, yêu cầu về chất lượng và chủng loại mẫu mã trên thị trường có mức độ linh hoạt rất cao, đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành luôn phải đổi mới và cập nhật công nghệ, có trình độ quản lý và công nhân kỹ thuật tay nghề tốt. Do đó, việc triển khai các dự án mới, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa cần phải được thực hiện nhanh chóng, đồng bộ; lựa chọn được công nghệ, thiết bị có hàm lượng và trình độ công nghệ tiên tiến, phù hợp để đảm bảo vị trí tiên phong trên thị trường và đáp ứng với mục tiêu dự án đặt ra. Với đội ngũ Ban lãnh đạo tâm huyết và nhiều kinh nghiệm trong ngành, những rủi ro nói trên đối với An Phát sẽ được hạn chế tới mức tối đa.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi phát hành thì số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên, sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

(i) Xét về sự pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần thì sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS của Công ty. Đó là một trong những yếu tố rủi ro của việc phát hành cổ phần để tăng thêm vốn điều lệ. Nhưng nếu xét về bản chất thì thị trường chứng khoán là kênh huy động vốn để sản xuất kinh doanh. Việc phát hành ra công chúng có làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu nhưng trong bối cảnh Công ty đã sử dụng tỷ lệ đòn bẩy cao, tiền chi trả lãi vay cao, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và áp lực thanh toán lớn nên việc phát hành tăng vốn là một hướng đi hoàn toàn hợp lý. Nếu doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, các dự án khả thi thành công, thì cũng sẽ nhanh chóng làm tăng giá trị cổ phiếu hơn.

(ii) Xét về mức độ pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

$$\text{Giá sổ sách/cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách/ cổ phần sẽ giảm.

(iii) Xét về pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án phát hành, số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp

hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Như vậy, tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết sẽ bị thay đổi nếu tình hình nhiều cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua/ hoặc chuyển nhượng quyền mua cho một hoặc một nhóm người (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

(iv) Xét về pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: Hiện tại, cổ phiếu Công ty được giao dịch trên sàn HOSE nên giá cổ phiếu tham chiếu AAA tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ pha loãng cổ phiếu. Sau khi phát hành thì số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (ii) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Mức độ pha loãng cổ phiếu AAA trong đợt chào bán này được đánh giá như sau:

Nội dung	Ký hiệu	ĐVT	Giá trị
Số lượng cổ phần dự kiến của AAA trước đợt phát hành	(1)	CP	83.599.988
Số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu của AAA	(2)	CP	83.599.988
Tỷ lệ pha loãng	-	-	100%
Số lượng cổ phần lưu hành bình quân dự kiến (giả sử ngày 1/6/2018 là ngày giao dịch không hưởng quyền)	$(3)=(1)+(2) \times 214/365$		132.614.775
Lợi nhuận sau thuế năm 2018 (dự kiến hợp nhất)	(4)	Đồng	330.000.000.000
EPS trước khi chào bán cho cổ đông hiện hữu	$(5)=(4)/(1)$	Đồng/CP	3.947
EPS sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu	$(6)=(4)/(3)$	Đồng/CP	2.488

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Tuy nhiên, các cổ đông nhỏ lẻ bên ngoài, thậm chí ngay cả các cổ đông là tổ chức đầu tư, cổ đông lớn, các chuyên gia phân tích cũng chưa nhận biết và dự báo trước được những rủi ro này. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp. Xu hướng này bao gồm cả việc các doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư một phần nguồn lực nhằm nâng cao mối liên hệ giữa việc chấp nhận rủi ro và thu nhập của doanh nghiệp, đồng thời việc thiết lập quản trị rủi ro đủ mạnh là một trong những vấn đề quan trọng và cấp bách ở cấp độ quản lý của doanh nghiệp.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ năm 2007 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2010. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban Kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành giúp đội ngũ quản trị của Công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

7. Rủi ro khác

7.1. Rủi ro bất khả kháng

Có một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

7.2. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Ngoài tác động do kết quả hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, sự tăng giảm của giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố về tình hình kinh tế và xã hội nói chung, sự thay đổi của khung pháp lý trong lĩnh vực chứng khoán cũng như trong lĩnh vực hoạt động của Công ty... Biến động giá cổ phiếu có thể gây rủi ro cho nhà đầu tư trong việc đưa ra các quyết định kinh tế và ảnh hưởng đến hình ảnh, hoạt động của Công ty, do đó Công ty sẽ nỗ lực tối đa để kịp thời công bố các thông tin cần thiết đến nhà đầu tư, xây dựng hình ảnh Công ty minh bạch về thông tin và hiệu quả trong hoạt động.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Ông Phạm Ánh Dương

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Lê Trung

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Hòa Thị Thu Hà

Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Giang

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông Bạch Quốc Vinh

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền số 25-2017/GUQ-HSC-KSNB ngày 21/11/2017 do Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành số 0102/2018/AAA/HĐDV-HSC-TCDN ngày 02/02/2018 đã ký với Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

– UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
– HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
– VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
– TTCK	:	Thị trường chứng khoán
– Công ty/ AAA	:	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
– Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
– CTCP	:	Công ty Cổ phần
– DN	:	Doanh nghiệp
– MCK	:	Mã chứng khoán
– BCTC	:	Báo cáo tài chính
– Điều lệ	:	Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
– HSC	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
– ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
– HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
– BKS	:	Ban Kiểm soát
– BGĐ	:	Ban Giám đốc
– CK	:	Chứng khoán
– LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
– SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
– DTT	:	Doanh thu thuần
– TSCĐ	:	Tài sản cố định
– Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
– Thuế TNCN	:	Thuế Thu nhập cá nhân
– Thuế GTGT	:	Thuế Giá trị gia tăng
– CP	:	Cổ phần
– EPS	:	Earning Per Share - Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = \frac{\text{Lợi nhuận ròng} - \text{cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}}$
– CĐ	:	Cổ đông
– ĐVT	:	Đơn vị tính
– CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên
– HĐ	:	Hợp đồng
– Giấy CN ĐKKD	:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
– Giấy CN ĐKHD	:	Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động
– CBTT	:	Công bố thông tin

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
- Tên tiếng Anh: An Phat Plastic and Green Environment Joint Stock Company
- Tên viết tắt: AN PHÁT
- Địa chỉ: Lô CN11 + CN12, Cụm CN An Đồng, TT Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: +84 (0)220 375 5998
- Fax: +84 (0)220 375 5113
- Website: www.anphatplastic.com
- Email: anphat@anphatplastic.com
- Giấy CNĐKKD: Số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/3/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 8/12/2017.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
Ông Phạm Ánh Dương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 10/6/2010
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
 - Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
 - In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
 - Xây dựng công trình dân dụng;
 - Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Mua bán hàng may mặc;
 - Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
 - Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
 - Vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
 - Hoạt động thu gom, xử lý tiêu hủy rác thải;
 - Tái chế phế liệu;
 - Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

❖ Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (tên cũ là Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát) được thành lập ngày 09/03/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng và là thành viên của Hiệp hội nhựa Việt Nam, thành viên của Hiệp hội những nhà sản xuất sản phẩm lớn Quốc tế (APS). Với gần 200 cán bộ, nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn

cao, cùng hơn 1.200 công nhân lành nghề, Công ty đang phấn đấu nỗ lực hết mình, không ngừng cải thiện dây chuyền kỹ thuật, công nghệ sản xuất để trở thành doanh nghiệp sản xuất bao bì màng mỏng lớn nhất Đông Nam Á.

- Tháng 09/2002 Tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là Công ty TNHH Anh Hai Duy được thành lập với 02 thành viên, số vốn điều lệ là 500 triệu đồng.
- Tháng 04/2004 Trước sự tăng trưởng nhanh chóng về quy mô thị trường và nhu cầu sản xuất, Công ty đã thuê 10.000 m² đất tại KCN Nam Sách để đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Đây là nhà máy sản xuất số 1 của Công ty. Nhà máy bắt đầu hoạt động năm 2005 với nhiều sản phẩm chất lượng tốt đã chiếm lĩnh được thị trường và đưa Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất miền Bắc.
- Tháng 06/2005 UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận cho Công ty thuê 19.967 m² đất tại lô CN3 cụm Công nghiệp An Đông trong thời gian 25 năm. Công ty đã đền bù, giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa số 2.
- Năm 2006 Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Anh Hai Duy thống nhất phương án chuyển đổi Công ty thành Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát.
- Tháng 03/2007 Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát được thành lập với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
- Tháng 04/2007 Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 30 tỷ đồng được phát hành cho các cổ đông mới.
- Tháng 12/2007 Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 66 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 6 tỷ đồng được phát hành cho Beira Limited, nâng tổng số cổ phần của Beira Limited trong Công ty lên 800.000 cổ phần.
- Tháng 2/2008 Công ty đưa Nhà máy số 2 có công suất thiết kế 800 tấn sản phẩm/tháng, xây dựng tại Lô CN3 – Cụm Công nghiệp An Đông – Nam Sách – Hải Dương đi vào hoạt động.
- Tháng 09/2009 Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m² đi vào hoạt động với sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm, sản lượng hàng tháng khoảng 800 tấn/tháng.
- Tháng 11/2009 Công ty chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát thành Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát để phù hợp với mục tiêu và định hướng hoạt động “sản xuất xanh, bền vững, bảo vệ môi trường”.
- Tháng 04/2010 Ngày 17/04/2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 99 tỷ đồng thông qua việc phát hành cho cổ

- đồng hiện hữu với giá 37.000 đồng/cổ phiếu. Việc phát hành được hoàn tất vào ngày 15/05/2010.
- Tháng 06/2010 Ngày 10/6/2010, UBCKNN chính thức có văn bản số 1742/UBCK-QLPH công nhận Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát trở thành Công ty đại chúng theo qui định tại điểm 2 điều 26 chương III Công ty đại chúng của Luật Chứng khoán.
 - Tháng 07/2010 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là AAA.
 - Tháng 10/2010 Nhà máy sản xuất CaCO₃ của Công ty chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất số 2, nâng công suất của Nhà máy đạt 10.000 tấn sản phẩm/năm, đồng thời xúc tiến xin phép khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất tại mỏ đá Mông Sơn tỉnh Yên Bái.
 - Tháng 08/2011 Nhà máy sản xuất số 2 mở rộng của An Phát đi vào hoạt động, nâng công suất của toàn nhà máy 2 lên 1.500 tấn sản phẩm/tháng.
 - Năm 2012 Công ty thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ từ 99 tỷ đồng lên 198 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1.
 - Tháng 12/2013 Nhà máy sản xuất số 5 (Nhà máy 1 mở rộng theo Hồ sơ xin phát hành 2012) hoàn thành và đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm. Toàn bộ sản phẩm của nhà máy được xuất khẩu sang Nhật Bản.
 - Năm 2014 Công ty thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ từ 198 tỷ đồng lên 396 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1.
 - Năm 2015 An Phát hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014, tăng vốn điều lệ lên 494.999.880.000 đồng.
 - Tháng 05/2016 Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 494 tỷ đồng lên 518 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên.
 - Ngày 25/11/2016 Sau khoảng 6 năm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, AAA đã chuyển sang sàn HOSE. Đây được xem là một bước tăng cơ hội tiếp cận các nguồn vốn đầu tư của AAA.
 - Năm 2017 Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 518 tỷ đồng lên 836 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền và phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên.

❖ Các quyết định khen thưởng đạt được

- Năm 2009:
 - o Được UBQG về Hợp tác Kinh tế Quốc tế tặng bằng khen QĐ số 054 ngày 31/08/2009;

- Được UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen QĐ số 3569 ngày 07/10/2009.
- Năm 2010: Được Ban Truyền hình đối ngoại - Đài THVN tặng bằng khen QĐ số 05 ngày 29 tháng 1 năm 2010.
- Năm 2011:
 - Được Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tặng Bằng khen QĐ số 155B/QĐ/KT-TWH ngày 23/12/2011;
 - Được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng bằng khen QĐ số 0431/MTM-TDKD ngày 2/3/2011;
 - Được BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Hải Dương tặng bằng khen QĐ số 17 ngày 14/01/2011;
 - Được Liên đoàn Lao động tỉnh Hải Dương tặng Cờ thi đua QĐ số 159/QĐKT-LĐLĐ ngày 16/12/2011.
- Năm 2012: Được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc năm 2012.
- Năm 2013:
 - Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách trao tặng chứng nhận số 92/QĐ-UBND Chứng nhận Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đạt danh hiệu doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự năm 2012;
 - Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen 867/QĐ-UBND cho Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đã có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
- Năm 2014: Bộ Công thương tặng bằng khen số 6546/QĐ-BCT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đã có thành tích xuất sắc trong công tác đẩy mạnh xuất khẩu năm 2013.

❖ Các danh hiệu tiêu biểu được công nhận

- Năm 2007, Công ty nhận được các danh hiệu, bằng khen tiêu biểu như: được Bộ khoa học và Công nghệ chứng nhận Cúp vàng ISO 2007; được Thời báo kinh tế Việt Nam và Cục xúc tiến Thương mại – Bộ Công thương chứng nhận là “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2007”; được Hiệp hội Doanh nghiệp Nhỏ & Vừa Việt Nam trao tặng danh hiệu “Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam Vàng”; được Hiệp hội Doanh nghiệp Nhỏ & Vừa Việt Nam trao tặng danh hiệu “Cúp vàng Thương hiệu và Nhân hiệu”; được Ban Tuyên giáo Trung ương trao tặng giải thưởng “Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển năm 2007”; được Ban tổ chức Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam EXPRO trao tặng Huy chương vàng cho sản phẩm tham dự hội chợ.
- Năm 2008, được Ban tổ chức Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam EXPRO trao tặng Huy chương vàng cho sản phẩm.
- Năm 2009, được Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam trao tặng danh hiệu “Thương hiệu chứng khoán uy tín 2009” và danh hiệu “Công ty Đại chúng tiêu biểu”. Công ty được Trung ương Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng, danh hiệu Sao Vàng Đất Việt Top 200; Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa trao tặng danh hiệu “Sân

- phẩm, dịch vụ xuất sắc toàn quốc năm 2009”; Thời báo kinh tế Việt Nam và Cục xúc tiến Thương mại chứng nhận là “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2009”; Bộ Công thương trao tặng giải thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc toàn quốc lần thứ 1 năm 2009” .
- Năm 2010, được Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam trao tặng danh hiệu “Thương hiệu chứng khoán uy tín – 2010” dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường Việt Nam; Trung ương Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng danh hiệu Sao Vàng Đất Việt Top 100; được Viện nghiên cứu Kinh tế Việt Nam chứng nhận là Doanh nghiệp phù hợp tiêu chí “Chỉ số Tín nhiệm Vàng – Nhà cung cấp đáng tin cậy” tại Việt Nam 2010.
 - Năm 2011: được Trung ương Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng, danh hiệu Sao Vàng Đất Việt Top 200; được Thời báo kinh tế Việt Nam và Cục xúc tiến Thương mại – Bộ Công thương chứng nhận là “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2011”.
 - Năm 2013: được Viện Doanh Nghiệp Việt Nam, Tổ chức đánh giá và chứng nhận quốc tế InterConformity (Cộng hòa Liên bang Đức, châu Âu) chứng nhận chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp Trusted Brand Index – TBI số 0135/13-TBI.
 - Năm 2014: Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam năm 2014 do Tổng cục thuế chứng nhận.
 - Năm 2015: được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chứng nhận Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX năm 2014 – 2015.
 - Năm 2016: được tổ chức INTERCONFORMITY trao tặng chứng nhận “TRUSTED GREEN - chỉ số tín nhiệm xanh 2016”.
 - Năm 2017: CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát được trao tặng Huân chương Lao động hạng ba vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2012 đến năm 2016, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc theo quyết định số 1130/QĐ-CTN của Chủ tịch nước ngày 09/6/2017.

Hình 6: Cúp vàng ISO 2007



Hình 7: Cúp “Nhà quản lý giỏi 2007”



Hình 8: Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển”



Hình 9: “Thương hiệu Chứng khoán uy tín” và “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam”



Hình 10: “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và “Sao vàng Đất Việt”



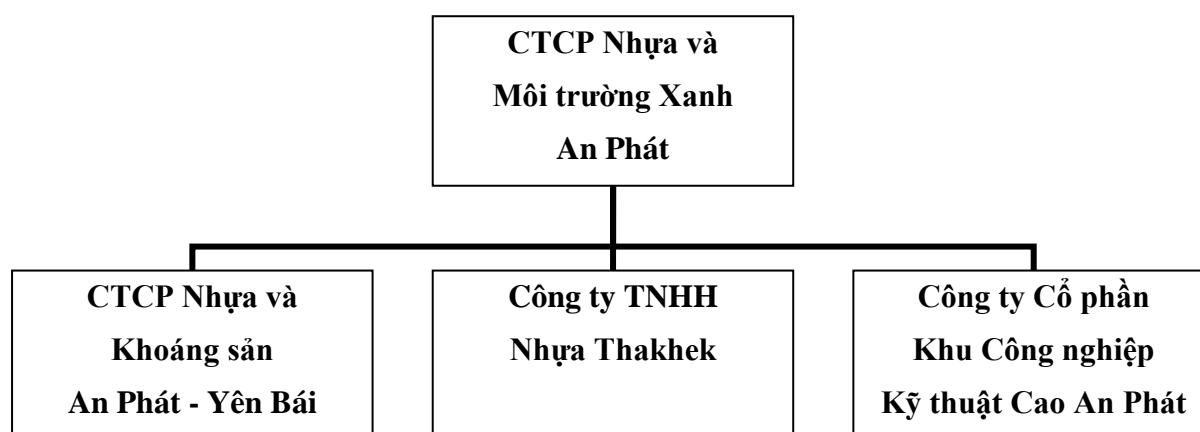
Hình 11: Các giải thưởng khác



2. Cơ cấu tổ chức Công ty

- Địa chỉ: Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 84-(220) 375 59 98 Fax: 84-(220) 375 51 13
- Website: www.anphatplastic.com

Hình 12: Cơ cấu tổ chức



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

❖ CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái

Là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và thay đổi lần thứ 06 ngày 18/10/2016, Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái có trụ sở tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái có vốn điều lệ là 136 tỷ đồng. AAA đang nắm giữ 35,29% vốn Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái là khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE); dịch vụ liên quan đến in, bán lẻ xi măng, gạch xây, vật liệu xây dựng khác; thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải.

❖ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát

Là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký

lần đầu số 0801225485 ngày 27 tháng 10 năm 2017. Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 12 năm 2017. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát là 100 tỷ đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của AAA tại Công ty là 65%.

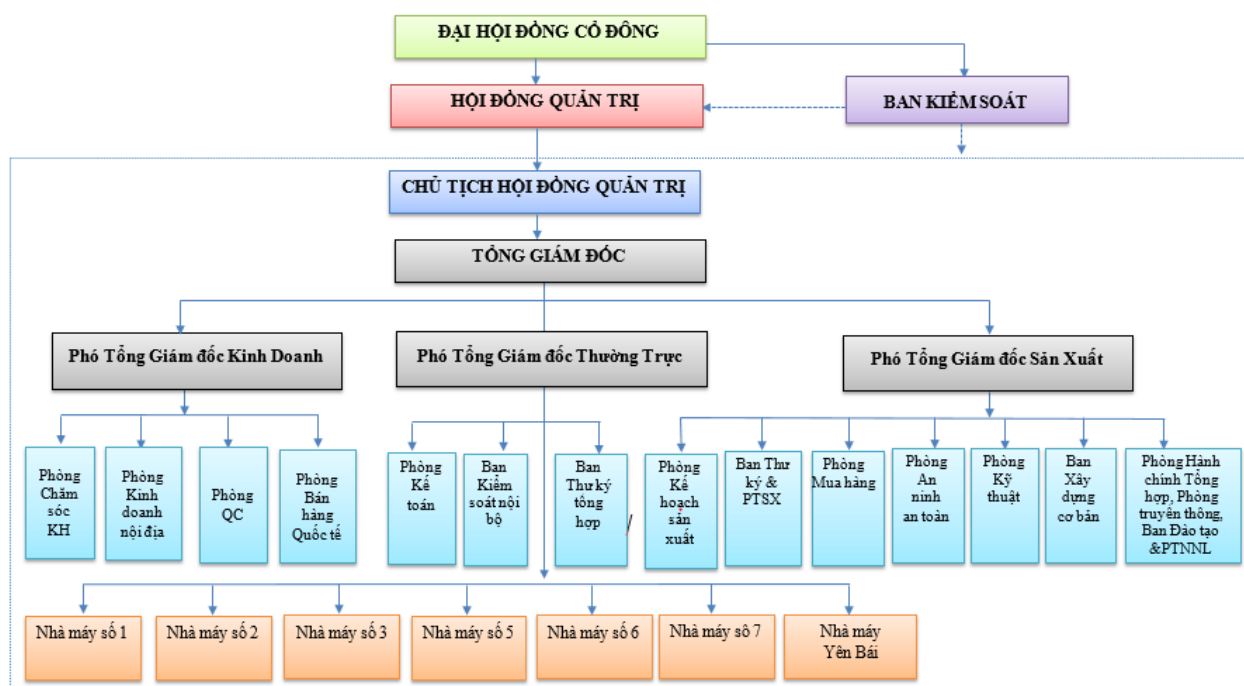
Công ty đặt trụ sở của tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

❖ Công ty TNHH Nhựa Thakhek

Là công ty TNHH được thành lập theo thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05/03/2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane, Công ty có trụ sở tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào. Công ty TNHH Nhựa Thakhek có vốn điều lệ 2,5 triệu USD trong đó AAA sở hữu 100% vốn.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 13: Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

4. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban trong Công ty

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ Hội đồng Quản trị

HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm giúp đỡ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

❖ Các phòng ban

Ban thư ký tổng hợp là bộ phận tham mưu giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Ban thư ký có chức năng tập hợp các yêu cầu, đề xuất của các bộ phận gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, thực hiện các thủ tục về quản lý cổ đông, pháp chế của Công ty.

Ban Kiểm soát nội bộ là bộ phận trợ giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty trong việc kiểm tra tình hình thực hiện công việc của các phòng, ban, bộ phận trong hệ thống Công ty, có trách nhiệm đề xuất hướng giải quyết, yêu cầu thực hiện các biện pháp khắc phục và kiểm tra lại các vấn đề đã phát hiện tại các bộ phận.

Ban thư ký và phát triển sản xuất có nhiệm vụ duy trì, phát triển các công cụ quản lý mà Công ty và Tổ chức tư vấn IMPAC đã xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của Nhà máy và các bộ phận. Ban Phát triển dự án là đơn vị luôn đi đầu trong việc tìm ra điểm chưa phù hợp, hoặc các phương pháp quản lý tối ưu hơn, đề tư vấn, hỗ trợ các Nhà máy, Bộ phận nâng cao hiệu quả quản lý.

Phòng Kế hoạch sản xuất là bộ phận thực hiện công tác thu mua nguyên liệu, công cụ, dụng cụ và các trang thiết bị khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Phòng Kế toán: Phòng Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Kế toán trưởng là người trực tiếp giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT;
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của Công ty để có kế hoạch tiêu thụ;
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước;

Phòng Hành chính - tổng hợp là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Thực hiện tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty.

- Lập danh sách người lao động trong công ty; giúp Tổng Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm cho cán bộ công nhân viên;
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động an toàn thực phẩm;
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty...

Phòng Quản lý và Hỗ trợ thông tin là bộ phận chịu trách nhiệm về việc đảm bảo vận hành của hệ thống thông tin: hệ thống điện thoại, hệ thống internet, hệ thống mạng wan, hệ thống mạng lan, các máy chủ, máy trạm. Tư vấn và triển khai giải pháp công nghệ thông tin ứng dụng phù hợp vào môi trường thực tế. Chịu trách nhiệm về việc cập nhật thông tin hoạt động của công ty trên các trang điện tử, công bố thông tin tới UBCK và HOSE theo quy định.

Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC) là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; Hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

Phòng Kỹ thuật là bộ phận tham mưu giúp việc cho Ban Tổng giám đốc, Giám đốc của các nhà máy về vấn đề kỹ thuật trong sản xuất. Chịu trách nhiệm về tình trạng hoạt động bình thường của các dây chuyền sản xuất và các vấn đề khác về kỹ thuật tại nhà máy.

- Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết hoặc yêu cầu của Trung tâm kinh doanh Công ty để tiến hành thiết kế kỹ thuật, lập quy trình công nghệ, phiếu công nghệ cho các sản phẩm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật mà khách hàng yêu cầu, dự trù chủng loại vật tư, định mức lao động cần thiết để sản xuất sản phẩm;
- Theo dõi quản lý toàn bộ trang thiết bị của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức công tác sửa chữa thiết bị theo chu kỳ hoặc đột xuất, duy trì thời gian hoạt động thường xuyên của thiết bị;
- Thường xuyên kiểm tra tình hình an toàn lao động, có quyền ngừng sản xuất khi phát hiện trang thiết bị hư hỏng ảnh hưởng đến tính mạng của người công nhân. Chịu trách nhiệm về vật chất đối với những hư hỏng về thiết bị do nguyên nhân chủ quan, lơ là, không kiểm tra gây thiệt hại vật chất, tính mạng người lao động;

- Theo dõi duy trì công nghệ sản xuất, có quyền yêu cầu công nhân thực hiện đúng công nghệ đã quy định trong quy trình công nghệ, phiếu công nghệ, có quyền yêu cầu Tổ trưởng đang trực tiếp sản xuất hoặc Quản đốc cử người hỗ trợ khi sửa chữa máy móc;

Phòng ANAT (Phòng An Ninh An Toàn) là bộ phận được giao bảo vệ tất cả các loại tài sản và bảo vệ trật tự an ninh của Công ty; bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản của cán bộ, công nhân viên của Công ty khi bị xâm phạm trong khu vực Công ty.

Phòng truyền thông: là bộ phận có nhiệm vụ tuyên truyền, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông của Công ty. Bộ phận phụ trách các hoạt động quan hệ công chúng, báo chí, và các hoạt động truyền thông nội bộ, phong trào trong Công ty.

Ban xây dựng cơ bản: là Ban phụ trách các công việc liên quan đến xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng của toàn Công ty.

Ban PTNNL (Ban Phát triển nguồn nhân lực) là bộ phận được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên.

Phòng kinh doanh nội địa: là bộ phận được giao nhiệm vụ kinh doanh trong nước.

Phòng bán hàng quốc tế: là phòng tìm kiếm các khách hàng quốc tế, đối tác, thị trường tiêu thụ để thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu Ban Tổng Giám đốc đưa ra. Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các công tác liên quan đến sản xuất kinh doanh.

Các nhà máy sản xuất của Công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và các kế hoạch cụ thể của Công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập về chi phí sản xuất và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các tổ sản xuất, Hành chính, Kế toán, QC, Kỹ thuật, Kho vận, ANAT. Điều hành mỗi nhà máy sản xuất là 1 Giám đốc nhà máy.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 18/1/2018

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

ST T	Cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	SLCP nắm giữ	Tỷ trọng vốn góp
1	CTCP An Phát Holdings	080121012 9	Lô CN11+CN12, Cụm CN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	26.648.465	31,9%

ST T	Cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	SLCP năm giữ	Tỷ trọng vốn góp
2	Kallang Limited	CA6162	DMS House, 20 Genesis Close, P.O Box 1344, Grand Cayman Kyl - 1108, Cayman Islands	6.536.372	7,8%
Tổng cộng				33.184.837	39,7%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

5.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại ngày 09/3/2007

STT	Cổ đông	Địa chỉ	SLCP năm giữ	Tỷ trọng vốn góp
1	Phạm Ánh Dương	Tập thể Viện Khoa học Việt Nam, Tổ 49, Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.854.000	61,80%
2	Phạm Hoàng Việt	Tập thể Viện Khoa học Việt Nam, Tổ 49, Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	354.900	11,83%
3	Nguyễn Lê Trung	Số 3, Ngõ 39, Nguyễn Phúc Lai, Đống Đa, Hà Nội	236.700	7,89%
4	Trần Hoàng Hoan	Xóm 5, thôn Quang Thừa, xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam	276.000	9,20%
5	Lê Thanh Hùng	Thông Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	248.400	8,28%
6	Nguyễn Đức Dũng	Xóm 2, Thôn Thượng, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	30.000	1,00%
Tổng cộng			3.000.000	100,00%

Quy định về hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập

Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp GCNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đăng ký thành lập lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần ngày 09/03/2007 với 06 cổ đông sáng lập.

Tính đến thời điểm hiện tại (09/02/2018), cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy

chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/1/2018

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Trong nước	3.734	73.311.828	733.118.280.000	87,69%
	Tổ chức	24	40.115.401	401.154.010.000	47,98%
	Cá nhân	3.710	33.196.427	331.964.270.000	39,71%
2	Nước ngoài	134	10.288.160	102.881.600.000	12,31%
	Tổ chức	25	9.894.060	98.940.600.000	11,84%
	Cá nhân	109	394.100	3.941.000.000	0,47%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng		83.599.988	835.999.880.000	100%

Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán do VSD cấp

6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

6.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát không có công ty mẹ và không có công ty nào nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

6.2. Danh sách các Công ty con, công ty liên kết của tổ chức phát hành

Bảng 4: Danh sách các công ty con, công ty liên kết

TT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ Vốn góp của AAA
1	Công ty TNHH Nhựa Thakhek	Công ty con	2.500.000 USD	100%
2	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát	Công ty con	100.000.000.000 đồng	65%
3	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	Công ty con	136.000.000.000 đồng	35,29%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty như sau:

❖ Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái

Hiện nay sản phẩm chính của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái là đá vôi siêu mịn (CaCO₃) đạt tiêu chuẩn quốc tế, với công suất thiết kế 222.000 tấn/năm.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ,

nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE); dịch vụ liên quan đến in, bán lẻ xi măng, gạch xây, vật liệu xây dựng khác; thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải.

Toàn bộ sản phẩm của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái sẽ được An Phát Plastic tiêu thụ và phân phối cho thị trường trong nước, cũng như xuất khẩu sang một số nước Châu Âu và Trung Đông.

Định hướng phát triển của An Phát - Yên Bái là xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài thay vì chỉ phục vụ sản xuất của An Phát như hiện nay. An Phát - Yên Bái đã ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu sản phẩm với các đối tác tại Ả Rập, Singapore, Israel, Hàn Quốc và Ấn Độ.

❖ Công ty TNHH Nhựa Thakhek

Là công ty TNHH được thành lập theo thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05/03/2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane, Công ty có trụ sở tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Mua bán nhựa từ nước ngoài và nội địa nước CHDCND Lào và sản xuất hạt nhựa tái chế.

Hiện tại, Hội đồng quản trị công ty đang tiến hành thu hồi vốn đầu tư theo quyết định phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông do một số vấn đề khách quan về hạ tầng cơ sở phục vụ dự án và vận tải hàng hoá chưa được Chính phủ Lào và Việt Nam khắc phục.

❖ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát

Là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 0801225485 ngày 27 tháng 10 năm 2017. Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 12 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất nhựa công nghệ cao; linh kiện điện tử.

Trụ sở của Công ty đặt tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty TNHH vào tháng 09/2002 với số vốn điều lệ là 500 triệu đồng.

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần tại ngày 09/03/2007 là 30 tỷ đồng. Đến nay, vốn điều lệ Công ty là 835.999.880.000 đồng. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 11 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án như sau:

❖ **Lần 1: Tháng 4/2007 tăng vốn từ 30 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho 13 nhà đầu tư cá nhân theo Nghị quyết số 1403/2007/QĐ-DHĐ của ĐHĐCD**

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 30.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 60.000.000.000 đồng

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 3.000.000 cổ phần
- ❖ **Lần 2: Tháng 12/2007 tăng vốn từ 60 tỷ đồng lên 66 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho một nhà đầu tư tổ chức theo Nghị quyết số 3011/2007/QĐ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ**
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 60.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 66.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá phát hành: 40.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 600.000 cổ phần
- ❖ **Lần 3: Từ tháng 04/2009 đến tháng 05/2010 tăng vốn từ 66 tỷ đồng lên 99 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 1704/2010/NQ –ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ**
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 66.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 99.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá phát hành: 37.000 đồng/cổ phần
 - Tỷ lệ phát hành: 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phần được nhận thêm 1 cổ phần)
 - Kết quả phát hành: Có 37 cổ đông hiện hữu đăng ký mua và mua 2.342.300 cổ phần; 957.700 cổ phần còn lại HĐQT quyết định phân phối cho 19 nhà đầu tư mới và 4 cổ đông hiện hữu.
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 3.300.000 cổ phần
- ❖ **Lần 4: Ngày 26/11/2012 tăng vốn từ 99 tỷ đồng lên 198 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1106/2012/NQ-ĐHĐCĐ**
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 99.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 198.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần
 - Tỷ lệ phát hành: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được nhận thêm 1 cổ phần)
 - Kết quả phát hành: Có 659 cổ đông hiện hữu đăng ký mua 5.347.887 cổ phần
 - Hội đồng quản trị phân phối cho 5 nhà đầu tư được mua số cổ phần không phân phối hết lần đầu với số lượng cổ phần là 4.552.113 cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 9.900.000 cổ phần
- ❖ **Lần 5: Ngày 13/10/2014 tăng vốn từ 198 tỷ đồng lên 396 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2014 số**

0105/2014/NQ-ĐHĐ ngày 26/5/2014

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 198.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 396.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 11.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được nhận thêm 1 cổ phần)
- Kết quả phát hành: Có 1.468 cổ đông đăng ký mua 19.500.860 cổ phần
- Hội đồng quản trị phân phối cho 9 cổ đông hiện hữu số cổ phần không phân phối hết lần đầu với số lượng là 299.140 cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 19.800.000 cổ phần

❖ **Lần 6: Ngày 06/10/2015 tăng vốn từ 396 tỷ đồng lên 494.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo Nghị quyết HĐQT số 1208/2015/NQ-HĐQT của HĐQT**

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 396.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 494.999.880.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành: 100:25 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận thêm 25 cổ phần)
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 9.899.988 cổ phần
- Số lượng cổ đông được phân phối cổ phần: 1.507 cổ đông

❖ **Lần 7: Ngày 09/05/2016 tăng vốn từ 494.999.880.000 đồng lên 518.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 1903/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19/03/2016**

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 494.999.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 518.999.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 2.400.000 cổ phần, trong đó:
 - Cổ phiếu thưởng cho người lao động: 400.000 cổ phần
 - Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 2.000.000 cổ phần với giá 13.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ đông được phân phối: 12 cổ đông

❖ **Lần 8: Ngày 23/12/2016, tăng vốn từ 518.999.880.000 đồng lên 569.649.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 1 theo Nghị quyết HĐQT số 0711/2016/NQ-HĐQT ngày 07/11/2016**

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 518.999.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 569.649.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 5.065.000 cổ phần
- ❖ **Lần 9:** Ngày 01/06/2017, tăng vốn từ 569.649.880.000 đồng lên 586.649.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1802/2017/NQ-ĐHĐ ngày 18/02/2017
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 569.649.880.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 586.649.880.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 1.700.000 cổ phần
 - Số lượng cổ đông trước phát hành: 3.090 cổ đông
 - Số lượng cổ đông sau phát hành: 3.098 cổ đông
 - Số lượng cổ đông được phân phối: 8 cổ đông
- ❖ **Lần 10:** Ngày 16/06/2017, tăng vốn từ 586.649.880.000 đồng lên 592.499.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 2 theo Nghị quyết HĐQT số 2905/2017/NQ-HĐQT ngày 29/05/2017
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 586.649.880.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 592.499.880.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 585.000 cổ phần
- ❖ **Lần 11:** Ngày 08/12/2017, tăng vốn từ 592.499.880.000 đồng lên 835.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 3 theo Nghị quyết HĐQT số 0611/2017/NQ-ĐHĐ ngày 06/11/2017
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 592.499.880.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 835.999.880.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 24.350.000 cổ phần

8. Hoạt động kinh doanh

Hình 14: Một số hình ảnh về nhà máy



Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát là doanh nghiệp hàng đầu hiện nay trong lĩnh vực sản xuất bao bì thân thiện với môi trường và là một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì màng mỏng lớn nhất Việt Nam. Bằng sự nỗ lực không mệt mỏi, An Phát đã dần phát triển vươn lên thành doanh nghiệp có thương hiệu và uy tín chuyên sản xuất các loại bao bì màng mỏng nói chung và bao bì tự hủy nói riêng. Hiện nay An Phát có bảy nhà máy sản xuất bao bì và một nhà máy sản xuất phụ gia CaCO₃:

- **Nhà máy số 1** được xây dựng từ năm 2004 trên diện tích 9.744 m², tại Khu công nghiệp Nam Sách - Thành Phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương, bắt đầu hoạt động vào năm 2005 với các sản phẩm là bao bì đựng thực phẩm, túi rác, màng ni-lon chuyên dùng trong nông nghiệp và sản xuất hạt nhựa tái chế HDPE, LDPE nhiều màu. Công suất thiết kế của Nhà máy số 1 khoảng 10.800 tấn/năm.
- **Nhà máy số 2** bắt đầu đi vào hoạt động vào tháng 3/2008 với công suất thiết kế đạt 15.600 tấn/năm. Được khởi công xây dựng vào tháng 5/2007 tại Cụm công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương trên diện tích 19.967 m², nhà máy được trang bị các dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc.
- **Nhà máy số 3** chính thức đi vào hoạt động từ tháng 9/2009, với sản phẩm chiến lược là túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm và có sản lượng khoảng 10.800 tấn/năm.
- **Nhà máy số 5** được khởi công xây dựng từ 2012 với công suất 11.000 tấn/năm chuyên sản xuất túi T-shirt, Hàng Flat từ nguyên liệu nguyên sinh và tự hủy xuất khẩu đi Nhật Bản.
- **Nhà máy số 6** được đầu tư với tổng kinh phí 500,6 tỷ đồng. Nhà máy được đầu tư với công suất thiết kế đạt 37.000 tấn sản phẩm/năm và chuyên sản xuất sản phẩm cao cấp cho thị trường Nhật Bản. Tháng 6 năm 2016 Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động giai đoạn 1.
- **Nhà máy số 7** chuyên sản xuất các sản phẩm mới, đặc trưng của thị trường Hoa Kỳ như túi draw-tape và draw-string với công suất thiết kế đạt 9.600 tấn sản phẩm/năm.
- **Nhà máy An Phát - Yên Bái** là nhà máy duy nhất của An Phát sản xuất nguyên liệu ngành nhựa, bột đá vôi siêu mịn (CaCO₃) đạt tiêu chuẩn quốc tế, với công suất thiết kế khoảng 222.000 tấn/năm.

Tất cả các nhà máy của An Phát đều có dây chuyền sản xuất được nhập khẩu từ Đài Loan, Singapore và Nhật Bản.

Bảng 5: Sản lượng sản xuất của các nhà máy qua các năm

Đơn vị: Tấn

Nhà máy	2015		2016		2017	
	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
Số 1	9.383	9.403	10.991	10.229	12.034	11.489

Số 2	13.796	13.870	18.731	17.871	23.103	22.336
Số 3	9.587	10.068	10.309	10.473	13.226	13.302
Số 5	3.986	3.877	8.157	7.740	12.427	10.808
Số 6					13.349	11.987
Số 7					660	266
Yên Bái	14.868	14.162	19.960	19.499	36.873	34.195
Tổng	51.620	51.380	68.148	65.812	111.670	104.383

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Hiện Công ty xuất khẩu 98% tổng sản lượng ra nước ngoài với các thị trường chủ yếu: Châu Âu, Nhật Bản, Úc...

8.1. Giá trị sản lượng sản phẩm qua các năm

Xác định mục tiêu phát triển bền vững ngay từ khi thành lập, Công ty đã mạnh dạn đầu tư hệ thống máy móc sản xuất bao bì màng mỏng được nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản với công nghệ sản xuất tiên tiến, năng suất cao và tiết kiệm chi phí tối đa. Với toàn bộ dây chuyền sản xuất hiện đại và đội ngũ công nhân vận hành giàu kinh nghiệm, sản phẩm của Công ty được các đối tác nước ngoài bao tiêu, trong đó chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Châu Âu.

Các sản phẩm và dịch vụ chính của nhà máy hiện nay bao gồm: túi cho thị trường Nhật Bản, túi siêu thị, túi đựng rác, túi có mùi thơm, túi in nhiều màu, hạt nhựa, màng nhựa, dịch vụ gia công túi...

❖ Túi siêu thị

- **Túi tự hủy:** Loại túi vẫn có tất cả các đặc tính của túi nilon thông thường nhưng thời gian tự hủy được rút ngắn lại thành 3 tháng đến 2 năm (tùy thuộc vào từng chủng loại và cách pha chế). Hạt tự hủy còn được gọi là chất chóng rã (phụ gia sinh học Biocom). Quá trình phân rã cuối cùng thành bột dưới dạng phân hữu cơ, hòa vào trong đất và hoàn toàn không làm ô nhiễm môi trường.
- **Túi siêu thị cao cấp T-shirt bags màu (không in)**
 - Loại túi này có thể được sản xuất với một màu sắc như: xanh, đỏ, tím, vàng...
 - Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn
 - Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
 - Chất liệu: HDPE, LDPE
 - Cung cấp với số lượng lớn
 - Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng
- **Túi siêu thị cao cấp dạng Die cut handle bags được in màu**

Một trong những loại túi nhựa được ứng dụng cho nhiều tiện ích như: Cửa hàng bánh kẹo, cửa hàng sách, cửa hàng băng đĩa nhạc, bán đồ khô, đồ lưu niệm...

 - Loại túi này có thể được in nhiều loại màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng... Ngoài ra có thể in những logo quảng cáo, tên của siêu thị, cửa hàng...
 - Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn
 - Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng

- Chất liệu: HDPE, LDPE
- Cung cấp với số lượng lớn
- Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng
- **Túi siêu thị dạng cuộn có in màu**
 - Loại túi này có thể được in nhiều loại thông tin và đa dạng màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng... Ngoài ra có thể in những logo quảng cáo, tên của siêu thị, cửa hàng...
 - Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn
 - Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
 - Chất liệu: HDPE, LDPE
 - Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng
- **Túi siêu thị (T-shirt bags) được in màu**
 - Loại túi này có thể được in nhiều loại thông tin và đa dạng màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng... Ngoài ra có thể in những logo quảng cáo, tên của siêu thị, cửa hàng...
 - Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn
 - Nhãn hiệu: theo yêu cầu của khách hàng
 - Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
 - Chất liệu: HDPE, LDPE
 - Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng
- **Túi siêu thị đục lỗ sắp xếp theo từng thếp**
 - Loại túi này có thể được sản xuất với một màu sắc như: xanh, đỏ, tím, vàng...
 - Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn
 - Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
 - Chất liệu: HDPE, LDPE
 - Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng
- **Túi siêu thị dạng cuộn không in màu**

Một trong những loại túi nhựa được ứng dụng cho nhiều tiện ích: đựng thức ăn, đồ vệ sinh sạch sẽ, an toàn thực phẩm, gói đồ khi cho vào tủ lạnh...

 - Loại túi này có thể được làm từ nhựa nguyên sinh, không pha tạp, tái chế
 - Hàng túi có chất lượng quốc tế, giá cả cạnh tranh, cung cấp với số lượng lớn
 - Kích cỡ: theo yêu cầu của khách hàng
 - Chất liệu: HDPE, LDPE
 - Đóng gói: theo yêu cầu của khách hàng
- ❖ **Túi đựng rác**
 - **Túi đựng rác cuộn**

Có nhiều kiểu túi đựng rác với các kích cỡ khác nhau, sử dụng cho các văn phòng, nhà hàng, khách sạn, làm bằng chất liệu HDPE, LDPE

 - Cung cấp số lượng lớn theo yêu cầu của khách hàng
 - Kích cỡ: tùy chọn

- Màu: đen hoặc xám
- Chất liệu: HDPE, LDPE
- Đóng gói theo yêu cầu của khách hàng
- **Túi đựng rác phẳng**

Có nhiều kiểu túi đựng rác với các kích cỡ khác nhau, sử dụng cho các văn phòng, nhà hàng, khách sạn, làm bằng chất liệu HDPE, LDPE

 - Cung cấp số lượng lớn và đóng gói theo yêu cầu của khách hàng
 - Kích cỡ: tùy chọn
 - Màu: đen hoặc xám
 - Chất liệu: HDPE, LDPE
- ❖ **Hạt nhựa**
 - **Hạt Calbest**
 - Thành phần hóa học / Typical Chemical Composition

CaCO ₃	≥	98,5%	
MgO	≤	0,40%	
Fe ₂ O ₃	≤	0,01%	
Al ₂ O ₃	≤	0,04%	
SiO ₂	≤	0,01%	
TiO ₂	≤	0,003%	
 - Tính chất lý học / Typical Properties

Độ trắng / Dry Whiteness	≥	98%	
Độ ẩm / Moisture Content	≤	0,2%	
Độ thấm dầu DOP / DOP absorption		39,00 ± 2,00	ml/100g
Độ thấm dầu lạnh / Oil absorption		30,00 ± 2,00	ml/100g
pH		8,5 ÷ 9,5	
Tỷ trọng / Specific Gravity		2,7	
 - Cỡ hạt của sản phẩm / Partical Size Distribution

50% cỡ hạt / Average particle size (D50):	1,8 ± 0,3 micron
97% cỡ hạt / Top cut (D97):	8,0 ± 2,0 micron
 - Cỡ hạt nhỏ hơn 2 micron / Particle less than 2 micron: 55,0 ± 5,0%
 - Lượng lọt sàn lớn nhất / Residue on 325 mesh (wet sieve): 0,05% (max)
 - Các phụ gia khác: tỷ lệ, yêu cầu theo đơn đặt hàng của khách hàng
 - Sản phẩm được đóng gói trong bao PP với trọng lượng 25 kg
 - **Hạt nhựa màu**
 - Có nhiều màu sắc khác nhau: xanh, đỏ, tím, vàng... Đây là một phần rất quan trọng trong việc pha chế thành nhiều loại sản phẩm có màu sắc theo đơn đặt hàng.
 - Hạt có chất lượng tốt, đồng đều, không pha tạp
 - Cung cấp với số lượng lớn, tới tận nơi theo yêu cầu của khách hàng
 - Đóng gói, vận chuyển theo yêu cầu của khách hàng

- **Hạt nhựa tái chế**
 - o Hạt có chất lượng tốt, có nhiều loại khác nhau, tái chế theo dây chuyền của Đài Loan, đạt tiêu chuẩn Quốc tế
 - o Nhận cung cấp với số lượng lớn và lâu dài
 - o Hạt đã qua xử lý đảm bảo chất lượng, vệ sinh môi trường
- **Hạt nhựa nguyên sinh**
 - o Có rất nhiều hạt nhựa nguyên sinh, chất lượng tốt
 - o Cung cấp với số lượng lớn cho thị trường
 - o Cung cấp các loại hạt nguyên sinh: LLDPE, HDPE, PP, LDPE với số lượng hàng lớn và chất lượng tốt của các hãng nổi tiếng như: Cherron Philips, CCC, Sabcic, Dealim, Borouge...

❖ **Màng nhựa**

- **Màng nhựa phục vụ cho ngành Công nghiệp**
 - o Có nhiều kích cỡ khác nhau, phục vụ cho ngành Công nghiệp: màng bọc Tivi, tủ lạnh, máy cơ khí...
 - o Nhận hợp đồng cung cấp lâu dài cho các nhà máy, khu chế xuất...
 - o Đảm bảo chất lượng, đạt tiêu chuẩn Quốc tế
 - o Kích cỡ: tùy chọn
 - o Màu sắc: theo yêu cầu
 - o Cung cấp với số lượng lớn theo đơn đặt hàng

Hình 15: Sản phẩm của Công ty



Túi đựng rác phẳng



Túi đựng rác cuộn



Túi siêu thị dạng cuộn có in màu



Túi Siêu thị được in màu



Túi Siêu thị được in màu



Túi Siêu thị được in màu



Tshirt star seal with label



Star seal Flat bag on roll with PP



Knot with printing 1 colour

**Bảng 6:** Doanh thu hợp nhất và sản lượng sản phẩm qua các năm

Sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Doanh thu (triệu đồng)	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)	Sản lượng tiêu thụ (tấn)
Túi	1.381.172	37.167	1.677.591	46.313	2.771.099	70.188
Hạt nhựa	130.762	4.679	328.405	12.459	1.063.204	40.399
Dịch vụ gia công	2.458	243			17.441	-
Hạt calbest	101.657	11.187	139.500	16.007	225.019	24.216
Tổng cộng	1.616.049	53.327	2.145.496	74.779	4.076.764	134.803

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 7: Doanh thu hợp nhất theo thị trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thị trường	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thị trường Nội địa	128.236	339.187	1.115.135
Thị trường Xuất khẩu	1.487.813	1.806.310	2.961.629
Tổng cộng	1.616.049	2.145.497	4.076.764

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 8: Doanh thu hợp nhất theo thị trường xuất khẩu

Thị trường	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Khối lượng (Tấn)	Giá trị (Nghìn USD)	Khối lượng (Tấn)	Giá trị (Nghìn USD)	Khối lượng (Tấn)	Giá trị (Nghìn USD)

Nhật Bản	3.613	6.304	8.342	14.413	17.725	29.166
EU	30.751	52.237	38.051	53.601	47.657	77.434
Mỹ	524	864	1.940	2.251	3.260	6.738
Úc	1.965	3.257	2.851	4.409	3.048	4.761
Châu Phi	227	308	775	414	1.489	808
Châu Á	40	55	9.604	4.691	6.645	11.691
Tổng cộng	37.120	63.025	61.562	79.779	79.825	130.599

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

8.2. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp qua các năm

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	%DT	Giá trị	%DT
Bán hàng hóa, thành phẩm	2.054.009	99,96%	3.547.522	99,93%
Doanh thu bán thành phẩm	1.692.944	82,39%	2.820.200	79,44%
Doanh thu bán hàng hóa	361.065	17,57%	727.322	20,49%
Cung cấp dịch vụ	746	0,04%	2.522	0,07%
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	746	0,04%	2.522	0,07%
Tổng Doanh thu	2.054.755	100%	3.550.044	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Việc mở rộng thị trường với nhiều khách hàng mới tại các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu đã giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây; doanh thu từ hàng hóa, thành phẩm đóng góp phần lớn trong doanh thu của Công ty. Năm 2017, doanh thu chính của Công ty mẹ đến từ hoạt động bán thành phẩm với tỷ trọng 79,44% tổng doanh thu và 20,49% doanh thu đến từ hoạt động bán hàng hóa; còn lại là các dịch vụ khác.

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	%DT	Giá trị	%DT
Bán hàng hóa, thành phẩm	2.144.750	99,97%	4.059.789	99,58%
Doanh thu bán thành phẩm	1.818.240	84,75%	3.001.354	73,62%
Doanh thu bán hàng hóa	326.510	15,22%	1.058.435	25,96%
Cung cấp dịch vụ	746	0,03%	16.975	0,42%
Tổng Doanh thu	2.145.497	100%	4.076.764	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Năm 2017, trong cơ cấu doanh thu hợp nhất, doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm đạt 4.060 tỷ đồng, chiếm 99,58% tổng doanh thu; còn lại là doanh thu đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ.

Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Túi	252,403	15%	410,131	15%
Hạt nhựa	9,777	3%	9,048	1%
Dịch vụ	746	100%	2,522	100%
Lợi nhuận gộp	262,926	13%	421,702	12%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 12: Cơ cấu Lợi nhuận gộp hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Túi	252,403	15%	410,131	15%
Hạt calbest	43,162	25%	85,893	31%
Hạt nhựa	10,724	3%	50,687	5%
Dịch vụ	746	100%	3,674	22%
Lợi nhuận gộp	307,035	14%	550,385	14%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Lợi nhuận gộp của Công ty tăng trưởng tốt qua các năm tương ứng với tăng trưởng doanh thu. Cũng như cơ cấu doanh thu, cơ cấu lợi nhuận gộp đã phản ánh đúng hoạt động của Công ty. Lợi nhuận gộp từ thành phẩm chiếm chủ yếu trong cơ cấu lợi nhuận gộp toàn Công ty.

8.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Năm 2017 là một năm có sự tăng trưởng vượt bậc về cả doanh thu và sản lượng do Công ty chính thức đưa Nhà máy mới số 6 và số 7 vào hoạt động. Sau thời gian hiệu chỉnh máy móc và đào tạo công nhân mới để đồng bộ quy trình sản xuất, Nhà máy 6 đã đi vào hoạt động ổn định, năng suất lao động tăng cao. Với hệ thống nhà xưởng hiện đại, dây chuyền máy móc chất lượng, cùng đội ngũ công nhân viên tay nghề cao, được đào tạo bài bản về sản xuất và tác phong theo tiêu chuẩn Nhật Bản, Nhà máy 6 sẽ góp phần khẳng định vị thế của An Phát trong bản đồ ngành bao bì nhựa thế giới. Với đặc thù sản xuất hàng xuất

khẩu tới thị trường Nhật Bản, Nhà máy 6 tạo ra biên lợi nhuận cao hơn các Nhà máy sản xuất sản phẩm truyền thống, và sẽ góp phần cải thiện biên lợi nhuận của Công ty trong thời gian tới.

Nhà máy 7 mặc dù sản xuất sản phẩm mới – túi drawstring cho thị trường Mỹ, nhưng Nhà máy không gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm được tạo ra trong quá trình vận hành đạt kết quả tốt, đáp ứng yêu cầu của khách và nhận được phản hồi tích cực. Công ty sẽ lắp đặt máy móc và hoàn thiện dây chuyền để sớm đưa nhà máy vào hoạt động ổn định để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

Bên cạnh hai nhà máy mới – Nhà máy số 6 và Nhà máy số 7, Công ty đã không ngừng sáng tạo, triển khai áp dụng thành công các cải tiến vào trong sản xuất, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của các nhà máy hiện tại. Theo đó, năng suất lao động toàn Công ty tăng lên đáng kể trong khi vẫn đảm bảo chất lượng, tỷ lệ phế phẩm giảm mạnh, giúp AAA hoàn thành vượt kế hoạch của năm 2017 là mục tiêu 8.000 tấn sản phẩm/tháng.

Song song với đó, thị trường của Công ty cũng được mở rộng với nhiều khách hàng mới tại các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu. Việc thu hút khách hàng mới là nhờ những hoạt động thương mại quốc tế qua các hội chợ thương mại quốc tế, các kênh quảng bá hình ảnh qua thương mại điện tử. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên tiếp đón khách hàng tới thăm để trao đổi thông tin, hiểu rõ hơn về nhu cầu và mong muốn hợp tác của hai bên, qua đó nắm bắt được các thông tin giá trị về thị trường và xu hướng tiêu dùng của các khách hàng. Hiện nay, bao bì tự hủy đang là sản phẩm xu hướng của các nước phát triển, đặc biệt khi các quốc gia này đã ban hành các điều luật để đẩy mạnh việc sử dụng các sản phẩm nhựa tự hủy, thân thiện với môi trường. Các chính sách nhằm bảo vệ môi trường này sẽ sớm có tác động lan tỏa ảnh hưởng ra khắp các thị trường trên thế giới. Theo đó, nhu cầu về sản phẩm tự hủy sinh học sẽ ngày càng tăng, đây sẽ là mặt hàng chiến lược trong kế hoạch phát triển của Công ty khi An Phát đang là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam sản xuất thành công bao bì tự hủy sinh học. An Phát đã và đang hợp tác với nhiều đối tác lớn trên thế giới để phát triển các dòng sản phẩm giá trị cao và ưu việt hơn túi nilon thông thường.

8.4. Hoạt động Marketing

Chính sách bán hàng: thông thường các doanh nghiệp trong ngành thường chọn các hình thức quảng cáo giới thiệu sản phẩm của mình thông qua các phương tiện truyền thống như làm triển lãm, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, đối với An Phát, do đặc điểm khách hàng phần lớn là các nhà phân phối nước ngoài, Công ty thường tham gia các hội chợ bán hàng quốc tế như: Hội chợ Interpack tại Đức, Hội chợ bao bì ngành nhựa tại Thái Lan, Hội chợ tại Úc, Nam Phi, Mỹ... và nhiều hội chợ khác tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội. Bên cạnh đó, Công ty cũng tìm kiếm các khách hàng qua các trang thương mại điện tử bên cạnh việc quảng bá tích cực tại website: www.anphatplastic.com.

Đặc biệt, Công ty rất chú trọng đến việc phát triển hình ảnh “**Môi trường xanh**” của mình. Công ty thường tổ chức các cuộc đón tiếp các cháu thiếu nhi từ các trường quốc tế tại Hà Nội đến thăm quan, mời các tổ chức phi Chính phủ đến tìm hiểu về quy trình sản xuất cũng như môi trường làm việc của Công ty.

Chính sách chăm sóc khách hàng: khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống; do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn có ít nhất 3 nhân viên kinh doanh online, sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến An Phát, đến các sản phẩm của An Phát hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên mời các đối tác tới thăm quan nhà máy, môi trường làm việc của Công ty. Đối với các khách hàng trong nước, với tâm niệm quyền lợi của khách hàng, người tiêu dùng là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp, Công ty tổ chức các Hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước.

Hình 16: Học sinh trường UNIS tham quan nhà máy



8.5. **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có lô-gô riêng

Hình 17: Lô-gô công ty



Công ty đã đăng ký tên miền: <http://www.anphatplastic.com> do Bộ Bưu chính – Viễn thông cấp.

Bên cạnh đó, Công ty đã tiến hành đăng ký logo và các thương hiệu: ANPHAT LAND và ANPHAT FINANCE với Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

8.6. **Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

Bảng 13: Một số hợp đồng đã và đang thực hiện

STT	Tên khách hàng	Nội dung Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ (triệu đồng)
1	PLL: 66-APPL-2017	Xuất khẩu túi nhựa	2017	880,739
2	KPL: 02-APKOM.2018	Xuất khẩu túi nhựa	2018	811,470
3	MOF: 41-APMORO-2017	Xuất khẩu túi nhựa	2017	384,617
4	HANWA: 151-79-309	Xuất khẩu túi nhựa	2018	261,234
5	CCP: 680-APCCP-2017	Xuất khẩu túi nhựa	2017	169,120
6	AIL: 499-APAIL-2017	Xuất khẩu túi nhựa	2017	94,620
7	EVP: EVP 440	Xuất khẩu túi nhựa	2017	91,023
8	AIL: (478-APAIL-2017)	Xuất khẩu túi nhựa	2017	89,847
9	TLR: (92-APTAILOR-2017)	Xuất khẩu túi nhựa	2017	82,768
10	ITC: SA015	Xuất khẩu túi nhựa	2017 - 2018	74,049

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng tài sản	2.785.021.848.004	3.717.257.303.202	33,47%
Doanh thu thuần	2.053.147.861.011	3.543.948.979.577	72,61%
Lợi nhuận thuần từ Hoạt động kinh doanh	143.393.650.453	298.377.907.905	108,08%
Lợi nhuận khác	8.034.980.669	1.818.436.142	-77,37%
Lợi nhuận trước thuế	151.428.631.122	300.196.344.047	98,24%
Lợi nhuận sau thuế	130.649.389.312	251.314.327.424	92,36%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	78,56%	47,72%	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng tài sản	3.077.615.978.737	4.576.157.128.799	48,69%
Doanh thu thuần	2.143.769.808.850	4.069.608.303.141	89,83%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	165.553.232.870	326.060.640.338	96,95%
Lợi nhuận khác	1.043.549.169	1.993.666.937	91,05%
Lợi nhuận trước thuế	166.596.782.039	328.054.307.275	96,92%
Lợi nhuận sau thuế	142.925.017.617	263.364.105.956	84,27%
Lợi nhuận sau thuế của	141.985.475.965	223.342.661.746	57,30%

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
công ty mẹ			
Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	939.541.652	40.021.444.210	4159,68%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	76,60%	58,38%	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017 tăng đáng kể so với năm 2016 trên tất cả các chỉ tiêu, chủ yếu nhờ vào các biện pháp tái cơ cấu và quản trị sản xuất của Công ty. Năm 2017, nhìn chung Công ty đã bám sát được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh từng tháng, từng quý. Sản xuất đáp ứng nhu cầu đặt hàng của khách hàng; cơ cấu, mẫu mã sản phẩm đã được điều chỉnh, đa dạng theo nhu cầu thị trường và từng bước kiểm soát được chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, giảm hao phí lao động trên cơ sở thực hiện đầu tư chiều sâu tại các đơn vị, bám sát kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2017 vượt 20% kế hoạch lợi nhuận cả năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Nhân tố thuận lợi

- An Phát là doanh nghiệp sản xuất bao bì màng mỏng hàng đầu tại Việt Nam với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bao bì màng mỏng, Công ty hiện có được một vị trí vững chắc trong hoạt động kinh doanh, thiết lập được mối quan hệ kinh doanh tốt đẹp với nhiều Công ty và tập đoàn nổi tiếng ở Mỹ, EU, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Phillipine, Singapore, Thái Lan, Ai-len, Các tiểu vương quốc Ả Rập... Sản phẩm của Công ty được các doanh nghiệp trong nước và quốc tế đánh giá cao.
- An Phát được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường với hệ thống nhà xưởng sạch đẹp nhất khu vực phía Bắc, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn Việt Nam. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp xúc đàm phán với các đối tác khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường ở các thị trường khó tính như EU, Nhật.
- An Phát là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc sản xuất thành công bao bì nhựa tự phân hủy – “dòng sản phẩm ưu việt” của thế giới. Loại túi vẫn có tất cả các đặc tính của túi nilon thông thường nhưng thời gian tự hủy được rút ngắn lại thành 3 tháng đến 2 năm (tùy thuộc vào từng chủng loại và cách pha chế). Quá trình phân rã cuối cùng thành bột dưới dạng phân hữu cơ, hòa vào trong đất và hoàn toàn không làm ô nhiễm môi trường.
- Chất lượng hoạt động quản trị doanh nghiệp cao, đội ngũ cán bộ có trình độ, công nhân lành nghề. Hơn một nửa số cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo nghiệp vụ thường xuyên. Bên cạnh đó, phần lớn Hội

đồng quản trị Công ty đã có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp hoặc có nhiều kinh nghiệm trong kỹ thuật và quản lý doanh nghiệp.

- Công ty nằm giữa tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh. Vị trí thuận lợi là một trong những điểm mạnh của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh khác.
- Công ty được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của Nhà nước và tỉnh, đặc biệt là ưu đãi thuế theo các dự án mở rộng nhà máy sản xuất.
- Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đã được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 và chứng chỉ ISO 14000 và Công ty cũng đã áp dụng thành công chương trình nâng cao kỹ năng quản lý do tập đoàn IMPAC Hoa Kỳ tư vấn thực hiện.
- Doanh nghiệp đang có lợi thế về việc sản xuất các sản phẩm bao bì màng mỏng khi trong 2 năm trở lại đây đối thủ cạnh tranh lớn trên thị trường là Trung Quốc đã cấm sản xuất các dòng phân khúc sản phẩm này.

❖ Nhân tố không thuận lợi

- Điều đáng lo ngại trong những năm qua đó là dù có phát triển mạnh thì ngành nhựa vẫn đang phải nhập khẩu hơn 80% nguyên liệu. Trong năm 2016, theo Hiệp hội nhựa Việt Nam, ngành nhựa chỉ đến 6,26 tỷ USD để nhập khẩu 4,54 triệu tấn chất dẻo các loại làm nguyên liệu sản xuất. Mỗi năm, ngành nhựa cần trung bình khoảng 4 triệu tấn các loại nguyên liệu đầu vào, trong khi đó ở trong nước mới chỉ đáp ứng 900.000 tấn nguyên liệu dựa theo nhu cầu. Vấn đề cung ứng đầu vào thấp, công nghiệp hỗ trợ cho ngành nhựa chưa thực sự phát triển. Nguyên liệu đầu vào nhập khẩu mỗi năm lên đến 70% - 80%, chính điều này sẽ dẫn đến việc làm giảm sức cạnh tranh, doanh nghiệp xuất khẩu khó tận dụng được ưu đãi thuế do quy định liên quan đến xuất xứ hàng hóa.
- Những chính sách mới của thế giới và Việt Nam trong vấn đề hạn chế sử dụng túi nilon do lo ngại ảnh hưởng về môi trường từ những sản phẩm khó phân hủy. Theo nhận định của các nhà lập pháp và khoa học thì việc sử dụng quá nhiều túi nilon không phân hủy hiện nay làm gia tăng nghiêm trọng sự bào mòn nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng sâu sắc tới môi trường sống, do đó đã áp dụng các chính sách hạn chế sử dụng túi nilon thông thường. Vì vậy, việc tìm sản phẩm thay thế trong tương lai gần là không tránh khỏi. Nắm bắt được xu thế này, An Phát đã nghiên cứu và sản xuất thành công dòng bao bì nhựa tự phân hủy - sản phẩm thân thiện với môi trường và đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe về môi trường của thế giới. Sản phẩm túi tự hủy của công ty được chứng nhận khả năng phân hủy theo tiêu chuẩn châu Âu với Seedling logo và chứng nhận OK HOME COMPOST. Do đó, chính sách hạn chế sử dụng túi nilon không phân hủy không làm ảnh hưởng nhiều tới An Phát.
- Từ 1/1/2012, Luật thuế bảo vệ môi trường có hiệu lực được áp dụng cho tất cả các dòng sản phẩm túi nilon không thân thiện với môi trường và dành ưu đãi đặc biệt đối với sản phẩm túi nilon tự phân hủy thân thiện với môi trường được cấp chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam. Tuy nhiên, việc cấp Nhãn Xanh Việt Nam hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Tại Việt Nam hiện nay chưa có phòng thử nghiệm nào có thể thử nghiệm khả năng phân hủy túi nilon để chứng minh thời gian phân hủy.

Việc gửi mẫu ra nước ngoài phân tích chi phí rất cao và thời gian chờ kết quả có thể lên đến hai năm, đồng thời với đó là các yêu cầu khắt khe khác từ phía cơ quan cấp chứng nhận. Những quy định này đã một phần hạn chế việc tiêu thụ sản phẩm nội địa của Công ty cũng như làm cho việc tăng số lượng hàng giả, hàng nhái của các cơ sở sản xuất tư nhân nhỏ lẻ không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với mức tăng trưởng từ 16 - 18% trong 5 năm trở lại đây, ngành nhựa hiện chỉ đứng sau viễn thông và dệt may; và là ngành khá hấp dẫn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường đã làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Tính trên cả nước hiện có khoảng gần 1.500 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm ưu thế với 85%. Thế nhưng, khi xét về chất lượng đầu tư thì ngược lại. Hiện doanh nghiệp ngoại tuy chỉ có khoảng 15% số lượng nhưng lại chiếm tới 40% tổng đầu tư toàn ngành với trang thiết bị máy móc, công nghệ thuộc dạng hiện đại nhất hiện nay. Nguồn nhân lực tham gia tại nhà máy của họ cũng thuộc dạng tay nghề cao và trình độ hơn hẳn nguồn nhân lực đang hoạt động tại các doanh nghiệp nội.

Trong số các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm túi nilon trong cả nước vừa phục vụ xuất khẩu vừa phục vụ thị trường nội địa, An Phát là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất với sản lượng sản xuất hơn 8.000 tấn/tháng so với các doanh nghiệp cùng ngành trong nước khác như Công ty cổ phần Nhựa Hưng Yên (công suất khoảng 1.000 tấn/tháng), Công ty cổ phần Nhựa Tú Phương (công suất khoảng 800 tấn/tháng) và một số doanh nghiệp liên doanh khác ở Phía Nam (công suất dao động từ 500 – 700 tấn/tháng).

Bên cạnh đó, An Phát còn là doanh nghiệp có thâm niên nhiều năm hoạt động trong ngành này. Vì vậy, Công ty có rất nhiều khách hàng truyền thống, có mối quan hệ trong hoạt động kinh doanh lâu năm. Thị phần hiện nay Công ty đang phát triển là xuất khẩu sản phẩm cho các nhà cung cấp lớn trên thế giới Publi Embal, Compoplast... để từ đó các sản phẩm được phân phối đến khắp các siêu thị lớn ở Châu Âu như Kaufland, ICA, Lidl... Công ty chưa đưa ra thị trường bên ngoài để kinh doanh bán sản phẩm đại trà, nơi rất nhiều sản phẩm với nhiều thương hiệu khác nhau đang được tiêu thụ.

Thế mạnh của Công ty đã được khẳng định trong lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm cho các thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ hay Châu Âu, sức cạnh tranh của An Phát được đánh giá cao và uy tín ngày càng được khẳng định thông qua chất lượng của các sản phẩm và sự tin tưởng của khách hàng truyền thống của Công ty.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong 05 năm trở lại đây, ngành nhựa Việt Nam luôn có tốc độ tăng trưởng khá tốt. Năm 2017 được xem là một năm thành công của ngành nhựa trong lĩnh vực xuất khẩu với mức tăng trưởng cả năm là 17,3% so với năm 2016, tương ứng kim ngạch xuất khẩu đạt 3 tỷ USD. Thời gian vừa qua, ngành nhựa đã chú trọng phát triển xuất khẩu cả chiều rộng và chiều sâu, các sản phẩm hiện được áp dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau như nông nghiệp, công nghiệp, bưu chính, viễn thông, xây dựng.

Hiện nay, sản phẩm nhựa của Việt Nam đã xuất khẩu gần 160 thị trường trên thế giới, kể cả những thị trường đòi hỏi chất lượng cao, tiêu chuẩn kỹ thuật tối ưu như Nhật Bản, Mỹ, Đức, EU. Trong số này, có 3 thị trường là Nhật Bản, EU và Mỹ đang là thị trường chính của ngành nhựa Việt Nam. Theo đó, xuất khẩu sản phẩm nhựa sang thị trường EU vẫn chiếm gần 25% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam trong năm 2017. Có những mặt hàng nhựa có tốc độ tăng trưởng đạt gần 100% trong giai đoạn 2010 - 2017. Với mức tăng trưởng như vậy, ngành nhựa được đánh giá là một trong những ngành năng động, mũi nhọn của Việt Nam. Tuy nhiên hiện nay, ngành nhựa trong nước vẫn còn phụ thuộc rất nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu. Bên cạnh đó, những chi phí đầu vào như: xăng, điện, nước, nhân công... ngày càng tăng gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp. Chính vì vậy, tuy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu tốt, nhưng trên thực tế, lợi nhuận thu được lại không tương xứng trong khi chi phí liên tục tăng cao và giá bán không thể điều chỉnh tăng mạnh. Do vậy, đã có không ít các doanh nghiệp phải đóng cửa do không thể duy trì sản xuất.

Mặc dù vậy, trong tương lai, tiềm năng của ngành nhựa Việt Nam vẫn còn rất lớn bởi tính cạnh tranh của sản phẩm được bạn hàng quốc tế đánh giá cao và nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng. Hiệp hội ngành nhựa Việt Nam dự báo, xuất khẩu sản phẩm nhựa sẽ tăng do thuế nhập khẩu sản phẩm nhựa Việt Nam (VPA) từ các thị trường xuất khẩu chủ lực như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc được kỳ vọng giảm về 0 - 5% sau khi FTA Việt Nam - EU và RCEP có hiệu lực. Ngoài ra với dân số hơn 90 triệu người, chi tiêu nhựa bình quân đầu người ở Việt Nam còn thấp. VPA dự báo tiêu thụ nhựa bình quân đầu người sẽ tăng lên 45 kg/người/năm vào năm 2020, tương đương tốc độ tăng trưởng bình quân là 4%/năm.

Trong quy hoạch tới năm 2020, ngành nhựa Việt Nam đang hướng tới trở thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất những sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng về chủng loại, mẫu mã, thân thiện với môi trường, an toàn với sức khỏe, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

❖ Định hướng phát triển của Công ty

“Trở thành tập đoàn đại chúng tiên phong trong ngành sản xuất và kinh doanh hóa nhựa Việt Nam, tạo ra giải pháp lớn để thống nhất thị trường trong nước, giữ vững và mở rộng thị phần toàn cầu, tiến tới vị thế dẫn đầu trong ngành nhựa và bao bì tại Đông Nam Á”

– Đẩy mạnh sản xuất

- Phát triển nhanh, mạnh, lấy bao bì tự hủy làm sản phẩm sản xuất và kinh doanh chủ lực trong tương lai theo xu thế tiêu dùng tất yếu của thế giới để chuyển dịch cơ cấu sản xuất và bán hàng dần dần về các sản phẩm xanh thân thiện với môi trường.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển để đưa vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa có hàm lượng công nghệ cao, gia tăng doanh thu cho công ty, gia tăng giá trị cho xã hội và các cổ đông.

- Kéo dài chuỗi sản phẩm ngành hóa nhựa từ nguyên vật liệu đầu vào đến đầu ra và sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng, làm gia tăng giá trị ngành, nâng cao sự phát triển của ngành hóa nhựa Việt Nam, gia tăng sức cạnh tranh của ngành sản xuất Việt Nam trên thế giới.
 - Công ty đã hoàn thiện xây dựng và đưa vào hoạt động máy số 6 và nhà máy số 7 với tổng công suất khoảng 45.000 tấn sản phẩm/năm chuyên phục vụ nhu cầu thị trường Nhật Bản và Hoa Kỳ đã đi vào hoạt động trong năm 2016 và 2017. Trong năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư Nhà máy số 8 trên diện tích 98.088m² tại thị trấn Nam Sách, tỉnh Hải Dương với mục tiêu sản xuất sản phẩm bao bì màng phức hợp.
 - Với năng lực hiện có, Công ty sẽ tiếp tục tận dụng các nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất sản phẩm, trong đó sẽ chú trọng đến sản lượng túi nilon tự phân hủy – định hướng chiến lược của Công ty trong thời kỳ mới.
 - Đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến hiện đại của thế giới đặc biệt là vấn đề về công nghệ sản xuất và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm làm tăng năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất...
- **Đẩy mạnh xuất khẩu**
- Hội đồng quản trị công ty xác định, thị trường chủ lực của Công ty là xuất khẩu với đích đến là các nước EU, Mỹ và một số nước phát triển tại Châu Á, do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là các dòng bao bì nhựa cao cấp, bao bì nhựa tự phân hủy theo dạng cuộn, Tshirt, túi siêu thị và túi rác.
 - Trong giai đoạn phát triển tới, Công ty sẽ chú trọng mở rộng thị trường tới Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ Latin, trong đó nâng cao doanh thu về dòng sản phẩm cao cấp.
- **Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội**
- Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh, cách hành xử đối với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội, nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình hoạt động của mình, Ban lãnh đạo An Phát đã thực hiện nhiều chính sách có ý nghĩa lớn với người lao động tại Công ty. Tiêu biểu như các chính sách về: đảm bảo mức lương, thưởng hàng năm luôn ở vị trí cao của tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp cùng ngành; áp dụng chính sách về nhà ở, hỗ trợ đi lại cho người lao động ở tỉnh xa...
 - Ngoài ra Công ty còn thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội như: ủng hộ đồng bào nghèo, thành lập Quỹ từ thiện, Quỹ khuyến học, thực hiện chương trình: Nắng xuân về bản, Thắp sáng ước mơ...
- ❖ **Định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**
- Theo Quyết định số 2992/QĐ-BCT của Bộ Công thương ngày 17/06/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, Việt Nam phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp ngành nhựa đạt 78.500 tỷ đồng, năm

2020 đạt 181.577 tỷ đồng và tới năm 2025 là 390.000 tỷ đồng. Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch là phát triển ngành nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao. Quy hoạch ngành nhựa khuyến khích sử dụng và sản xuất nhựa tái sinh, quy định những sản phẩm nào đã qua sử dụng phải được tái sinh, cập nhật những thành tựu của thế giới về các loại vật liệu mới có khả năng tự phân hủy, các loại nhựa sinh học, nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường như các loại bao bì trên cơ sở tinh bột hoạt màng từ polyninylalcol.

Quy hoạch trên hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của thế giới khi khuyến khích phát triển các mặt hàng nhựa tái sinh và thân thiện với môi trường. So với các sản phẩm khác, nhựa tái chế là sản phẩm khá mới mẻ và đang ngày càng được ưa chuộng, đặc biệt là ở các nước phát triển do đặc tính thân thiện với môi trường và mục đích tiết kiệm năng lượng do có thể tái chế nhựa. Sản lượng nhựa tái chế tăng trung bình 11% trong 10 năm qua, là một trong những phân ngành có tăng trưởng ấn tượng nhất trong ngành nhựa thế giới. Với tình hình kinh tế thế giới, mặc dù còn nhiều bất ổn nhưng vẫn đang trong xu thế phát triển, các ngành sản phẩm cuối như thực phẩm, xây dựng, thiết bị điện tử, ô tô... vẫn tiếp tục tăng trưởng. Đây chính là các điểm tựa cho sự tăng trưởng của ngành nhựa, đặc biệt là phân khúc sản xuất bao bì và vật liệu xây dựng.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng ngành và xu thế thế giới**

- Ngành nhựa trong tương lai vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Với vai trò là một trong số ít các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất bao bì màng mỏng đầu tiên tại Việt Nam, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đã thiết lập được cơ sở vững chắc làm tiền đề phát triển thành doanh nghiệp sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất Đông Nam Á.
- Với chủ trương nâng cao hơn nữa trình độ kỹ thuật công nghệ và nhóm sản phẩm, Công ty đã đầu tư mở rộng quy mô và công suất hoạt động Nhà máy sản xuất bao bì nhựa, đồng thời phát triển thêm nhóm mặt hàng bao bì nilon tự phân hủy, đáp ứng được các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường của Châu Âu. Bên cạnh đó, Công ty đã và đang thực hiện các kế hoạch sau:
 - o Sản xuất hạt compounds nguyên liệu phân hủy sinh học, tiếp tục sản xuất và mở rộng thị trường bao bì phân hủy sinh học thân thiện với môi trường cho thị trường quốc tế, tiến đến phục vụ thị trường trong nước khi nhu cầu đủ lớn và các chế tài về bảo vệ môi trường được áp dụng chặt chẽ.
 - o Nghiên cứu ứng dụng, sản xuất và mở rộng thị trường các sản phẩm nhựa ép kỹ thuật áp dụng công nghệ cao cho các linh kiện nhựa điện tử, đồ gia dụng điện tử.
 - o Nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm nhựa gia dụng chất lượng vượt trội, chiếm lĩnh thị trường nội địa với thương hiệu An Phát.

- Phát triển và sản xuất bao bì công nghiệp chất lượng cao cho phân khúc dược phẩm và thực phẩm, cũng như gia tăng sản lượng và doanh thu với các sản phẩm bao bì công nghiệp thông dụng
- Với triển vọng lạc quan của ngành, sự hậu thuẫn của Chính phủ và năng lực nội tại của Công ty thì lĩnh vực sản xuất nhựa ít gặp những hiểm họa đe dọa tới tiềm năng phát triển. Thêm vào đó, Công ty đang đẩy mạnh sản xuất dòng sản phẩm túi nilon tự phân hủy và tương lai sẽ đưa vào làm sản phẩm chính, sản phẩm chiến lược của Công ty. Đây chính là bước chuyển mới, định hướng quan trọng được xem là bắt nhịp với xu thế tiêu dùng mới của thế giới.

Như vậy triển vọng phát triển của Công ty là tương đối khả quan, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, với chủ trương chính sách của Chính phủ. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao và Công ty cũng sẽ đảm bảo được mức chi trả cổ tức ổn định.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu

Bảng 16: Cơ cấu lao động tại 31/12/2017

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	1.958	100%
- Trên đại học	3	0,2%
- Đại học	155	7,9%
- Cao Đẳng, trung cấp	340	17,3%
- Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	1.460	74,6%
Theo giới tính	1.958	100%
- Nam	1.469	75,0%
- Nữ	489	25,0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

11.2. Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

- Người lao động làm việc tại Công ty theo các ca sản xuất, nhà máy hoạt động liên tục 24/24. Người lao động khi làm việc tại Công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục và các thiết bị bảo hộ lao động, được đào tạo vận hành máy móc, các biện pháp bảo đảm an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi vào làm việc. Ngoài ra, hoạt động Công đoàn Công ty cũng rất mạnh nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động. Công ty cũng tham gia hưởng ứng công tác Đoàn thanh niên, hoạt động của Công đoàn cấp cơ sở cũng như tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề...
- Giờ làm việc hành chính đối với nhân viên Công ty: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

- Công nhân sản xuất được chia ca làm việc để đảm bảo quy trình sản xuất của nhà máy.
- Hỗ trợ ăn ca:
 - o Đối với mỗi ca làm việc của công nhân, Công ty hỗ trợ 01 bữa ăn chính và 01 bữa ăn phụ, bữa phụ cách bữa chính khoảng 4 giờ đồng hồ.
 - o Suất ăn bữa chính là 20.000 đồng/người, suất ăn bữa phụ là 9.000 đồng/người. Công ty còn thực hiện việc tổ chức bữa ăn nâng cao cho nhân viên vào ngày thứ bảy hàng tuần.
 - o Công nhân được phục vụ nước giải khát ngay tại nơi làm việc.
 - o Nhân viên Công ty cũng được phục vụ bữa ăn trưa.
 - o Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi ngoài giờ làm việc, tổ chức du lịch, nghỉ mát vào dịp hè, dịp lễ tết cho người lao động.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát luôn đánh giá yếu tố con người là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Công ty. Chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên là một trong những chính sách được ưu tiên phát triển hàng đầu của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.

Về tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Theo từng vị trí cụ thể, Công ty đề ra các yêu cầu về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập, quyết đoán và các tiêu chí riêng khác của Công ty.

Về đào tạo: Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài cả ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo...

Các cán bộ công nhân viên có yêu cầu học tập cũng được Công ty hỗ trợ chi phí cho các khóa nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn.

❖ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tiền lương thỏa thuận hoặc lương khoán tại Công ty, trong đó đã bao gồm mức lương chính đóng BHXH. Tổng quỹ lương của Công ty do Tổng Giám đốc trình và Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo cho việc trả lương trong Công ty không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Tiền lương chính của người lao động do hai bên thỏa thuận. Các khoản phụ cấp nếu có thực hiện theo các quy chế của Công ty. Quỹ tiền lương của Công ty bao gồm quỹ tiền lương tính theo đơn giá lương khoán của người lao

động và quỹ tiền lương dự phòng. Trong đó:

- o Quỹ tiền lương khoán của người lao động do Tổng Giám đốc phê duyệt.
- o Quỹ tiền lương dự phòng của Công ty (QTLDP), là phần còn lại của quỹ tiền lương thực hiện của Công ty sau khi trừ đi quỹ tiền lương khoán. Quỹ tiền lương dự phòng được dùng để dự phòng cho việc biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; dùng để chi cho người lao động nhân ngày lễ, ngày Tết; hỗ trợ cho các đơn vị để chi trả tiền lương tối thiểu cho người lao động (nếu thiếu).

Căn cứ khả năng đóng góp của người lao động và khả năng tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét giải quyết nâng lương cho người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng năm Công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc với mức thưởng từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng cho các cá nhân và tập thể xuất sắc, hoặc các phần thưởng có giá trị bằng hiện vật như xe máy, tivi và tủ lạnh. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc. Chế độ phụ cấp được chia thành 2 loại: phụ cấp công việc và phụ cấp trách nhiệm. Phụ cấp công việc áp dụng cho các vị trí làm việc có tính chất đặc biệt theo quy định của Công ty với mức phụ cấp tính bằng 10% - 30% lương của người đảm nhiệm.

12. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của Công ty được thực hiện căn cứ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và được Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Theo đó:

- Công ty chỉ thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Cổ đông được chia cổ tức căn cứ theo phần vốn góp tại Công ty. Tỷ lệ chi trả cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ trên đề xuất của Hội đồng quản trị và căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động, kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm tiếp theo.

Bảng 17: Chính sách cổ tức giai đoạn 2011 – 2017

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Hình thức
Năm 2011	10,96%/cổ phiếu	Tiền mặt
Năm 2012	10%/cổ phiếu	Tiền mặt
Năm 2013	10%/cổ phiếu	Tiền mặt
Năm 2014	25%/cổ phiếu	Thưởng cổ phiếu
Năm 2015	7%/cổ phiếu	Tiền mặt
Năm 2016	20%/cổ phiếu	Tiền mặt
Năm 2017	20%/cổ phiếu	Tiền mặt

13. Tình hình tài chính

13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Bảng 18: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu Công ty mẹ giai đoạn 2016 - 2017

Đơn vị: Đồng

Nguồn vốn	31/12/2016	31/12/2017
Vốn điều lệ	569.649.880.000	835.999.880.000
Tổng vốn chủ sở hữu	905.900.863.638	1.362.971.011.485

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 19: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu hợp nhất giai đoạn 2016 - 2017

Đơn vị: Đồng

Nguồn vốn	31/12/2016	31/12/2017
Vốn điều lệ	569.649.880.000	835.999.880.000
Tổng vốn chủ sở hữu	954.752.102.324	1.624.970.288.622

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Bảng 20: Chính sách khấu hao tài sản cố định

Tài sản	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 12
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Phương tiện vận tải	05 – 15
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	05 – 25
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 12
Quyền sử dụng đất nhà đào tạo	20
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	45
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và 3	21
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	37,5

Quyền sử dụng đất Nhà máy 6	47
Quyền sử dụng đất Nhà máy 7	18
Phần mềm máy vi tính	03

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của Công ty trong năm 2017 ước đạt khoảng 6,57 triệu đồng/tháng, tăng 15% so với năm 2016.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 31/12/2016, 31/12/2017 và thời điểm nộp hồ sơ phát hành cổ phiếu, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 21: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Thuế GTGT	867.648	-
Thuế TNDN	6.425.810.315	9.861.583.442
Thuế TNCN	46.851.500	547.810
Tổng cộng	6.473.529.463	9.862.131.252

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 22: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước hợp nhất

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Thuế GTGT	867.648	-
Thuế TNDN	6.890.891.702	14.101.563.481
Thuế TNCN	55.529.289	131.397.169
Thuế và các khoản phải thu	-	(260.983.354)
Tổng cộng	6.947.288.639	14.232.960.650

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Công ty, theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Bảng 23: Số dư các quỹ Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Quỹ khen thưởng phúc lợi	24.428.254	24.240.974

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Quỹ đầu tư phát triển	33.886.962.310	40.986.236.108
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.612.477.781	11.612.477.781
Tổng cộng	45.523.868.345	52.622.954.863

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 24: Số dư các quỹ Hợp nhất

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Quỹ khen thưởng phúc lợi	28.595.879	26.305.175
Quỹ đầu tư phát triển	38.274.886.929	45.683.661.717
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.177.404.323	13.177.404.323
Tổng cộng	51.480.887.131	58.887.371.215

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Tổng dư nợ vay

Bảng 25: Tình hình vay và nợ Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn	719.337.640.571	1.119.481.663.635
Vay ngân hàng	719.337.640.571	1.119.481.663.635
Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn	827.576.488.038	761.575.328.352
Vay ngân hàng	288.407.348.038	262.972.828.352
Vay cá nhân	92.606.640.000	21.000.000.000
Vay tổ chức	-	149.690.000.000
Trái phiếu phát hành	446.562.500.000	327.912.500.000
Tổng cộng	1.546.914.128.609	1.881.056.991.987

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 26: Tình hình vay và nợ hợp nhất

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn	800.794.847.498	1.417.686.392.234
Vay ngân hàng	800.794.847.498	1.417.686.392.234
Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn	982.579.138.038	959.926.578.352
Vay ngân hàng	314.644.998.038	302.299.078.352
Vay cá nhân	92.606.640.000	51.000.000.000
Vay tổ chức	-	149.690.000.000
Trái phiếu phát hành	575.327.500.000	456.937.500.000

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Tổng cộng	1.783.373.985.536	2.377.612.970.586

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Trong cơ cấu nợ vay và cho thuê tài chính của An Phát, các khoản nợ có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 1 năm chiếm tỷ trọng khá lớn (khoảng gần 60%). An Phát luôn có kế hoạch cụ thể cho dòng tiền, xây dựng kế hoạch kinh doanh, đầu tư hợp lý để đảm bảo an toàn tài chính của Công ty. Việc huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư mới cũng là một trong những biện pháp giúp An Phát giảm bớt ảnh hưởng của biến động về lãi suất đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

13.2. Tình hình công nợ hiện nay

❖ Các khoản phải thu

Bảng 27: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Phải thu ngắn hạn	392.511.532.808	719.353.770.982
Phải thu của khách hàng	204.674.630.115	411.299.153.249
Trả trước cho người bán	148.079.904.039	169.027.027.329
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	60.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	40.224.129.892	79.027.590.404
Dự phòng khó đòi	(467.131.238)	-
Tổng cộng	392.511.532.808	719.353.770.982

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 28: Các khoản phải thu hợp nhất

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Phải thu ngắn hạn	455.567.565.640	961.381.022.420
Phải thu của khách hàng	221.225.458.631	417.516.053.153
Trả trước cho người bán	184.015.378.614	325.870.456.358
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	129.729.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	51.025.438.748	88.265.512.909
Dự phòng khó đòi	(698.710.353)	-
Tổng cộng	455.567.565.640	961.381.022.420

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Phải thu của khách hàng: Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng theo số liệu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2017 là 417,516 tỷ đồng, gồm khoảng 80% đến từ các khách hàng mua hàng hóa, thành phẩm, 20% đến từ các khách hàng mảng dịch vụ; phù hợp với cơ cấu doanh thu của Công ty.

Khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đúng theo quy định, đảm bảo an toàn tài chính, không ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các năm tiếp theo.

❖ Các khoản phải trả

Bảng 29: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Nợ ngắn hạn	1.051.544.496.328	1.592.710.963.365
Phải trả người bán	301.189.460.907	436.755.772.880
Người mua trả tiền trước	10.691.662.256	10.134.285.292
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.473.529.463	9.862.131.252
Phải trả người lao động	8.583.828.552	11.239.249.675
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	3.490.233.226
Phải trả ngắn hạn khác	5.243.946.325	1.723.386.431
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	719.337.640.571	1.119.481.663.635
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.428.254	24.240.974
Nợ dài hạn	827.576.488.038	761.575.328.352
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	827.576.488.038	761.575.328.352
Tổng cộng	1.879.120.984.366	2.354.286.291.717

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 30: Các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Nợ ngắn hạn	1.140.284.738.375	1.990.803.708.402
Phải trả người bán	304.263.540.143	519.298.194.029
Người mua trả tiền trước	11.280.630.943	17.127.077.695
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.947.288.639	14.232.960.650
Phải trả người lao động	9.184.831.648	13.308.406.810
Chi phí phải trả	2.080.000.000	6.422.195.946
Phải trả ngắn hạn khác	5.705.003.625	2.702.175.863
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	800.794.847.498	1.417.686.392.234

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28.595.879	26.305.175
Nợ dài hạn	982.579.138.038	960.383.131.775
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	982.579.138.038	959.926.578.352
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	456.553.423
Tổng cộng	2.122.863.876.413	2.951.186.840.177

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

❖ Hàng tồn kho

Bảng 31: Thông tin Hàng tồn kho Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
1	Hàng mua đang đi đường	26.925.196.561	9.915.036.980
2	Nguyên liệu, vật liệu	299.399.413.447	296.407.270.975
3	Công cụ, dụng cụ	11.393.154.789	15.154.158.019
4	Chi phí SXKD dở dang	16.064.918.516	15.174.471.739
5	Thành phẩm	63.580.462.516	73.572.472.239
	Hàng tồn kho	417.363.145.829	410.223.409.952

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 32: Thông tin Hàng tồn kho hợp nhất

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
1	Hàng mua đang đi đường	26.925.196.561	10.683.200.798
2	Nguyên liệu, vật liệu	326.621.163.150	345.006.616.947
3	Công cụ, dụng cụ	12.416.843.576	19.505.307.370
4	Chi phí SXKD dở dang	16.064.918.516	15.174.471.739
5	Thành phẩm	68.563.160.054	91.559.671.054
6	Hàng hóa	-	54.752.457.285
	Hàng tồn kho	450.591.281.857	536.681.725.193

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Tại thời điểm 31/12 hàng năm, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát căn cứ vào giá trị thực tế trên thị trường (giá trị thuần có thể thực hiện) của vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho (không phải là thành phẩm, hàng hóa bất động sản) và giá trị ghi nhận trên sổ sách tương ứng của các loại hàng tồn kho này. Khi giá trị thuần có thể thực hiện

thấp hơn giá trị sổ sách, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp, không ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh khi bán các sản phẩm tồn kho này.

13.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm được trình bày qua bảng dưới đây:

Bảng 33: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016		Năm 2017		Ghi chú
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,07	1,19	1,00	1,08	
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,67	0,80	0,74	0,81	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,67	0,69	0,63	0,65	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,07	2,22	1,73	1,82	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	5,94	5,53	7,55	7,22	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,74	0,70	0,95	0,89	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Hệ số LNST/DTT(*)	%	6,36%	6,62%	7,09%	5,49%	
Hệ số LNST/Vốn CSH(*)	%	14,42%	14,87%	18,44%	13,74%	
Hệ số LNST/Tổng tài sản(*)	%	4,69%	4,61%	6,76%	4,88%	
Hệ số LN từ HĐKD/DTT	%	6,98%	7,72%	8,42%	8,01%	
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ	2.546	2.611	4.191	3.426	

(*) Với các chỉ số hợp nhất, LNST được lấy theo giá trị LNST của công ty mẹ trên BCTC hợp nhất

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

❖ Về khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của An Phát trong giai đoạn 2016 - 2017 có sự ổn định. Hệ số thanh toán ngắn hạn hợp nhất năm 2017 ở mức 1,08 lần cho thấy cứ mỗi đồng nợ thì có đến 1,08 đồng tài sản chi trả trong ngắn hạn.

❖ Về cơ cấu vốn

Hệ số nợ của Công ty Mẹ và hợp nhất từ năm 2016 cho đến năm 2017 có xu hướng giảm, tỷ lệ vay nợ vẫn duy trì ở mức an toàn: khoảng 60% trên tổng tài sản. Nguồn tài sản Công ty tăng lên đáng kể: Số liệu công ty mẹ tăng từ 2.785 tỷ đồng năm 2016 lên 3.717 tỷ đồng

năm 2017.

Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu duy trì ở mức phù hợp trong điều kiện Công ty vẫn đang trong giai đoạn triển khai các dự án đầu tư mới và vẫn tiếp tục tìm kiếm huy động nguồn tài trợ từ bên ngoài. Vốn chủ sở hữu hợp nhất tăng 70% từ 955 tỷ đồng năm 2016 lên 1.625 tỷ đồng năm 2017.

❖ **Về năng lực hoạt động**

Chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản và chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Công ty có sự gia tăng trong giai đoạn 2016 - 2017.

❖ **Về khả năng sinh lời**

Các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty năm 2017 đều tăng so với năm 2016. Kết quả chỉ tiêu hiệu quả SXKD của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Kết quả lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt 20% so với Kế hoạch lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 đạt 3.426 đồng, tăng 31% so với năm 2016.

14. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

14.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT
4	Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
5	Đình Xuân Cường	Thành viên HĐQT

❖ **Ông Phạm Ánh Dương – Chủ tịch HĐQT**

1/ Họ và tên:	Phạm Ánh Dương
2/ Giới tính:	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	17/05/1976
4/ Nơi sinh:	Hà Nội
5/ CMND:	012144877 cấp ngày 08/06/2007 tại CA Tp. Hà Nội
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
9/ Số điện thoại công ty:	+84 (0)220 375 5998
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com
11/ Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
12/ Quá trình công tác:	

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2000	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC	Nhân viên kế toán
2000 – 2002	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo	Kế toán trưởng
2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Giám đốc công ty
2007 – 2009	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT
2007 – 05/2012	CTCP Đầu tư An Phát	Chủ tịch HĐQT
2009 – 2015	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Chủ tịch HĐQT
2010 – 06/2011	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
07/2011 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT
3/2017 đến nay	CTCP An Phát Holdings	Chủ tịch HĐQT
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:		
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát		
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần An Phát Holdings		
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó: + Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ + Cá nhân sở hữu: : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
15/ Các cam kết nắm giữ: Không có		
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có		
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có	
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty	
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có	
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có	

❖ Ông Nguyễn Lê Trung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

1/ Họ và tên:	Nguyễn Lê Trung
2/ Giới tính:	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	08/11/1976
4/ Nơi sinh:	Phú Thọ
5/ CMND:	013164787 cấp ngày 19/03/2009 tại CA Hà Nội
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Số 3, ngõ 39, Phố Nguyễn Phúc Lai, P. Ô Chợ Dừa, Q.

	Đông Đa, TP. Hà Nội	
9/ Số điện thoại liên hệ:	+84 (0)220 375 5998	
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com	
11/ Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
12/ Quá trình công tác:		
	Thời gian	Đơn vị công tác
	1998 – 2002	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS
	2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy
	2007 – 2009	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
	2007 – 05/2012	CTCP Đầu tư An Phát
	2009 – 2015	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
	7/2011 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
	3/2017 đến nay	CTCP An Phát Holdings
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:		
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:		
	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:		
	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần An Phát Holdings	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 1.700.000 cổ phần, chiếm 2,03% vốn điều lệ. Trong đó:		
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
+ Cá nhân sở hữu: 1.700.000 cổ phần, chiếm 2,03% vốn điều lệ		
15/ Các cam kết nắm giữ: Không có		
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có		
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có	
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty	
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có	
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có	

❖ Ông Phạm Hoàng Việt – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

1/ Họ và tên:	Phạm Hoàng Việt
2/ Giới tính:	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	17/12/1981
4/ Nơi sinh:	Hà Nội
5/ CMND:	001081010137 cấp ngày 20/10/2015 – Tại Cục cảnh sát

	ĐKQL cư trú và DLQG dân cư	
6/ Quốc tịch:	Việt Nam	
7/ Dân tộc:	Kinh	
8/ Địa chỉ thường trú:	Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Cầu Giấy, Hà Nội	
9/ Số điện thoại công ty:	+84 (0)220 375 5998	
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com	
11/ Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
12/ Quá trình công tác:		
	Thời gian	Đơn vị công tác
	2003 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy
		Trưởng phòng kinh doanh
	2007 – 11/2010	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát
		Giám đốc
	2009 – 2015	CTCP Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái
		Thành viên HĐQT
	3/2014 – 4/2016	CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
		Thành viên HĐQT
	2007 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
		Thành viên HĐQT
	12/2012 đến 2/2018	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
		Phó tổng giám đốc
	3/2017 đến nay	CTCP An Phát Holdings
		Thành viên HĐQT
	10/2017 đến nay	CTCP Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát
		Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
	2/2018 đến nay	CTCP Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường
		Chủ tịch HĐQT
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:		
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:		
	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần An Phát Holdings - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát - Chủ tịch HĐQT CTCP Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường 	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:		
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
15/ Các cam kết nắm giữ: Không có		
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có		
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có	
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng	

	năm và Quy chế lao động Công ty
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

❖ **Bà Hòa Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

1/ Họ và tên:	Hòa Thị Thu Hà	
2/ Giới tính:	Nữ	
3/ Ngày tháng năm sinh:	04/11/1978	
4/ Nơi sinh:	Uông Bí, Quảng Ninh	
5/ CMND:	141737021 cấp ngày 06/11/2010 tại CA Hải Dương	
6/ Quốc tịch:	Việt Nam	
7/ Dân tộc:	Kinh	
8/ Địa chỉ thường trú:	Khu 5, Phường Hải Tân, T.P Hải Dương, Hải Dương	
9/ Số điện thoại liên hệ:	+84 (0)220 375 5998	
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế	
12/ Quá trình công tác:		
	Thời gian	Đơn vị công tác
	2000 – 2002	Công ty TNHH Khang Vinh
	2003 – 2005	Công ty TNHH Hưng Việt
	2005 – 3/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy
	2006 – 2009	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
	2010 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
		Chức vụ
		Nhân viên Kế toán
		Nhân viên kế toán
		Nhân viên kế toán
		Trưởng phòng kế toán
		Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:		
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ. Trong đó:		
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ		
+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ		
15/ Các cam kết nắm giữ: Không có		
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có		
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có	
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty	
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có	
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có	

❖ Ông Đinh Xuân Cường – Thành viên HĐQT

1/ Họ và tên:	Đinh Xuân Cường	
2/ Giới tính:	Nam	
3/ Ngày tháng năm sinh:	30/08/1976	
4/ Nơi sinh:	Hoa Lư – Ninh Bình	
5/ CMND:	011976518 cấp ngày 6/6/2008 tại CA Hà Nội	
6/ Quốc tịch:	Việt Nam	
7/ Dân tộc:	Kinh	
8/ Địa chỉ thường trú:	31/115, Trần Cung, Hà Nội	
9/ Số điện thoại công ty:	+84 (0)220 375 5998	
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com	
11/ Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ	
12/ Quá trình công tác:		
	Thời gian	Đơn vị công tác
		Chức vụ
	2003 – 2006	Calyon Corporate & Investment Bank, Paris, Pháp
	2007 – 2010	INB Investment, Việt Nam
	2011	Tập đoàn Ocean
	7/2017 đến nay	Công ty Cổ phần An Phát Holdings
	7/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
	2/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
		Trader
		Phó Tổng Giám đốc
		Phó Tổng Giám đốc
		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
		Thành viên Ban Kiểm soát
		Thành viên Hội đồng quản trị
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:		
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Phát Holdings - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh 	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 26.648.465 cổ phần, chiếm 31,88% vốn điều lệ. Trong đó:		
+ Đại diện phần vốn góp của CTCP An Phát Holdings: 26.648.465 cổ phần, chiếm 31,88% vốn điều lệ		
+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
15/ Các cam kết nắm giữ	Không có	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có	
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có	

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

14.2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
3	Văn Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát

❖ Bà Nguyễn Thị Giang – Trưởng ban kiểm soát

1/ Họ và tên:	Nguyễn Thị Giang												
2/ Giới tính:	Nữ												
3/ Ngày tháng năm sinh:	12/11/1983												
4/ Nơi sinh:	Hải Dương												
5/ CMND:	142017624 cấp ngày 13/6/2013 tại CA Hải Dương												
6/ Quốc tịch:	Việt Nam												
7/ Dân tộc:	Kinh												
8/ Địa chỉ thường trú:	Số 47, Ngõ 1, Đường Hoàng Ngân, Khu 2, Phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương												
9/ Số điện thoại công ty:	02203.755.998												
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com												
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Kế toán												
12/ Quá trình công tác:	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 2008 đến 2015</td> <td>CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</td> <td>Kế toán</td> </tr> <tr> <td>2015 – 03/2016</td> <td>CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</td> <td>Ban kiểm soát nội bộ</td> </tr> <tr> <td>Từ 03/2016 đến nay</td> <td>CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</td> <td>Trưởng Ban Kiểm soát</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	Từ 2008 đến 2015	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Kế toán	2015 – 03/2016	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ban kiểm soát nội bộ	Từ 03/2016 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng Ban Kiểm soát
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ											
Từ 2008 đến 2015	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Kế toán											
2015 – 03/2016	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ban kiểm soát nội bộ											
Từ 03/2016 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng Ban Kiểm soát											
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:													
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát												
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có												
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:													
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ												
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ												

15/ Các cam kết nắm giữ:	Không có
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

❖ Bà Nguyễn Thị Phượng – Thành viên Ban kiểm soát

1/ Họ và tên:	Nguyễn Thị Phượng									
2/ Giới tính:	Nữ									
3/ Ngày tháng năm sinh:	17/01/1989									
4/ Nơi sinh:	Hải Dương									
5/ CMND:	142407306 cấp ngày 12/05/2005 nơi cấp CA Hà Nội									
6/ Quốc tịch:	Việt Nam									
7/ Dân tộc:	Kinh									
8/ Địa chỉ thường trú:	Hợp Tiến, Nam Sách, Hải Dương									
9/ Số điện thoại công ty:	02203.755.998									
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com									
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế									
12/ Quá trình công tác:	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>06/2011 đến nay</td> <td>CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</td> <td>Nhân viên</td> </tr> <tr> <td>02/2018 đến nay</td> <td>CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</td> <td>Thành viên Ban kiểm soát</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	06/2011 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Nhân viên	02/2018 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Thành viên Ban kiểm soát
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ								
06/2011 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Nhân viên								
02/2018 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Thành viên Ban kiểm soát								
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:										
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát									
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có									
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:										
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ										
+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ										
15/ Các cam kết nắm giữ:	Không có									
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có									
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có									
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty									
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có									

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
--------------------------------------	----------

❖ **Bà Văn Thị Lan Anh – Thành viên Ban kiểm soát**

1/ Họ và tên:	Văn Thị Lan Anh	
2/ Giới tính:	Nữ	
3/ Ngày tháng năm sinh:	29/06/1977	
4/ Nơi sinh:	Hà Nội	
5/ CMND:	011873650 cấp ngày 25/02/2010 tại CA Hà Nội	
6/ Quốc tịch:	Việt Nam	
7/ Dân tộc:	Kinh	
8/ Địa chỉ thường trú:	Số nhà 03, Tổ 33, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	
9/ Số điện thoại công ty:	02203.755.998	
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com	
11/ Trình độ chuyên môn:	Trung cấp điện	
12/ Quá trình công tác:		
	Thời gian	Đơn vị công tác
	2002 – 09/2004	Công ty Xây lắp điện 4
	10/2004 – 03/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy
	03/2007 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
	04/2009 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
		Chức vụ
		Công nhân
		Nhân viên văn phòng
		Nhân viên văn phòng
		Thành viên Ban Kiểm soát
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:		
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:		
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
15/ Các cam kết nắm giữ:	Không có	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có	
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có	
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty	
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có	
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có	

14.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Lê Trung	Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
2	Trần Thị Thoản	Phó Tổng giám đốc
3	Bùi Minh Hải	Phó Tổng giám đốc
4	Đặng Thị Quỳnh Phương	Phó Tổng giám đốc
5	Hòa Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

❖ **Ông Nguyễn Lê Trung – Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT**

Đã trình bày tại mục 14.1

❖ **Bà Trần Thị Thoản – Phó Tổng giám đốc**

1/ Họ và tên:	Trần Thị Thoản	
2/ Giới tính:	Nữ	
3/ Ngày tháng năm sinh:	27/07/1985	
4/ Nơi sinh:	Hải Dương	
5/ CMND:	142232223 cấp ngày 14/07/2002 tại CA Hải Dương	
6/ Quốc tịch:	Việt Nam	
7/ Dân tộc:	Kinh	
8/ Địa chỉ thường trú:	Thị trấn Nam Sách – Nam Sách – Hải Dương	
9/ Số điện thoại công ty:	02203.755.998	
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Ngoại ngữ	
12/ Quá trình công tác:		
	Thời gian	Đơn vị công tác
	06/2007 – 09/2009	Công ty TNHH XQ Việt Nam
	2009 – 12/2015	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
	12/2015 đến 3/2017	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
	3/2017 đến 2/2018	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
	3/2018 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
		Chức vụ
		Phụ trách đối ngoại
		Giám đốc trung tâm kinh doanh
		Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh
		Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất
		Phó Tổng giám đốc thường trực
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:		
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:		
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		

15/ Các cam kết nắm giữ:	Không có
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

❖ Ông **Bùi Minh Hải** – Phó Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất

1/ Họ và tên:	Bùi Minh Hải	
2/ Giới tính:	Nam	
3/ Ngày tháng năm sinh:	29/10/1976	
4/ Nơi sinh:	Bắc Giang	
5/ CMND:	011893275 cấp ngày 11/01/2005 tại CA Bắc Giang	
6/ Quốc tịch:	Việt Nam	
7/ Dân tộc:	Kinh	
8/ Địa chỉ thường trú:	F416, I7, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	
9/ Số điện thoại công ty:	02203.755.998	
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh	
12/ Quá trình công tác:		
	Thời gian	Đơn vị công tác
		Chức vụ
	2000 – 2002	Cty TNHH nước giải khát Coca Cola
		Kiểm toán nội bộ
	2002 – 2004	Công ty TNHH nhà máy bia Hà Tây (Tiger - Heineken)
		Phụ trách bán hàng
	2004 – 2006	Văn phòng đại diện Hennessy - Moet Chandon
		Marketing
	2006 – 2008	Kinh doanh riêng xe cơ giới
		Giám đốc
	2008 – 2/2018	Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
		Giám đốc kế hoạch sản xuất
	3/2018 đến nay	Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
		Phó Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:		
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:		
+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
15/ Các cam kết nắm giữ: Không có	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có	
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

❖ **Bà Đặng Thị Quỳnh Phương – Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh**

1/ Họ và tên:	Đặng Thị Quỳnh Phương																
2/ Giới tính:	Nữ																
3/ Ngày tháng năm sinh:	24/10/1989																
4/ Nơi sinh:	Hải Dương																
5/ CMND:	030189000926 cấp ngày 08/4/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư																
6/ Quốc tịch:	Việt Nam																
7/ Dân tộc:	Kinh																
8/ Địa chỉ thường trú:	Đại Đồng - Tứ Kỳ - Hải Dương																
9/ Số điện thoại công ty:	02203.755.998																
10/ Địa chỉ email:	anphat@anphatplastic.com																
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế đối ngoại																
12/ Quá trình công tác:	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2012 – 2015</td> <td>CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</td> <td>Nhân viên</td> </tr> <tr> <td>12/2015 – 3/2017</td> <td>CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</td> <td>Giám đốc Trung tâm kinh doanh</td> </tr> <tr> <td>3/2017 đến nay</td> <td>CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</td> <td>Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh</td> </tr> <tr> <td>2/2016 đến nay</td> <td>CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái</td> <td>Thành viên HĐQT</td> </tr> </tbody> </table>		Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	2012 – 2015	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Nhân viên	12/2015 – 3/2017	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc Trung tâm kinh doanh	3/2017 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh	2/2016 đến nay	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Thành viên HĐQT
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ															
2012 – 2015	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Nhân viên															
12/2015 – 3/2017	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc Trung tâm kinh doanh															
3/2017 đến nay	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh															
2/2016 đến nay	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Thành viên HĐQT															
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:																	
13.1 Chức vụ tại tổ chức phát hành:																	
Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát																	
13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:																	
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái																	
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:																	

+ Đại diện phần vốn tổ chức khác: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
15/ Các cam kết nắm giữ: Không có	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: Không có	
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty
19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

❖ Bà Hòa Thị Thu Hà – Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT

Đã trình bày tại mục 14.1

15. Tài sản

Bảng 34: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị: Đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	2.301.366.557.311	458.205.494.106	1.843.161.063.205
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	532.948.909.766	56.683.579.824	476.265.329.942
2	Máy móc, thiết bị	1.558.475.564.849	351.698.255.201	1.206.777.309.648
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	166.081.428.563	36.562.282.069	129.519.146.494
4	Thiết bị văn phòng	6.291.433.978	1.972.081.341	4.319.352.637
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	13.650.983.000	5.155.032.019	8.495.950.981
6	Tài sản cố định hữu hình khác	23.918.237.155	6.134.263.652	17.783.973.503
II	Tài sản cố định vô hình	78.363.572.029	4.890.399.467	73.473.172.562
1	Quyền sử dụng đất	78.087.072.029	4.750.120.354	73.336.951.675
2	Phần mềm máy tính	276.500.000	140.279.113	136.220.887

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 của CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 35: Tài sản cố định hợp nhất tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị: Đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	2.707.435.817.410	504.461.719.734	2.202.974.097.676
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	674.420.708.580	67.051.795.976	607.368.912.604
2	Máy móc, thiết bị	1.701.357.107.215	375.591.358.793	1.325.765.748.422
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	283.981.667.718	47.749.357.014	236.232.310.704

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
4	Thiết bị văn phòng	8.120.113.742	2.324.986.020	5.795.127.722
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	15.552.983.000	5.534.378.275	10.018.604.725
6	Tài sản cố định hữu hình khác	24.003.237.155	6.209.843.656	17.793.393.499
II	Tài sản cố định vô hình	103.445.820.433	6.933.346.957	96.512.473.476
1	Quyền sử dụng đất	102.959.320.433	6.785.517.963	96.173.802.470
2	Phần mềm máy tính	486.500.000	147.828.994	338.671.006

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Bảng 36: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn Hợp nhất

Đơn vị: Đồng

STT	Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2016	31/12/2017
	Tại Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	208.354.542.284	54.704.144.626
1	Nhà máy số 8	-	53.065.449.171
2	Nhà máy số 7	41.809.579.319	-
3	Nhà máy số 6 (Dự án 10ha)	161.966.410.420	-
4	Nhà điều hành	4.181.074.545	-
5	Cải tạo nhà máy số 2 và số 3	223.746.000	-
6	Cải tạo nhà máy số 5	173.732.000	-
7	Nhà đào tạo	-	1.638.695.455
	Tại Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái	6.645.000.000	43.416.959.271
8	Xây dựng nhà xưởng CaCO ₃	6.645.000.000	-
9	Máy móc thiết bị	-	39.292.832.920
10	Xây dựng nhà xưởng	-	4.124.126.351
	Tổng cộng	214.999.542.284	98.121.103.897

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

16.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 37: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất và cổ tức của Công ty năm 2018

Chỉ tiêu	Năm 2018			
	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng giảm so với TH	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng giảm so với TH

		năm 2017		năm 2017
Doanh thu	3.700	4,2%	6.000	47,2%
Lợi nhuận sau thuế	220	-12,4%	330	25,5%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	5,9%	104,8%	5,5%	-14,8%
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	12,9%	-15,9%	39,5%	25,7%
Cổ tức	15%	- 20%	15%	- 20%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

16.2. Căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Hội đồng quản trị Công ty đã cùng thảo luận và đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2018, sau khi phân tích và đánh giá các năng lực nội tại của Công ty và tác động của các điều kiện thuận lợi, bất lợi từ bên ngoài. Cụ thể như sau:

- Được đánh giá là đơn vị có các nhà máy sản xuất hiện đại nhất Việt Nam, tổng sản lượng hàng tháng hơn 8.400 tấn ở thời điểm hiện tại và công suất có thể tăng lên hơn 9.000 tấn/tháng sau khi Nhà máy số 8 đi vào hoạt động là một trong những yếu tố quan trọng để HĐQT đưa ra kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nêu trên.
- Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty: Theo VPA, hiện chi phí sản xuất tại Trung Quốc tăng vọt khiến giá thành sản phẩm của Trung Quốc không còn rẻ như trước nữa mà ngang bằng với Việt Nam. Thêm vào đó là các chính sách khắt khe của Trung Quốc đã đẩy các nhà nhập khẩu khỏi thị trường này. Đây là một trong những thuận lợi mà thị trường thế giới đã tạo ra cho các doanh nghiệp nhựa nói chung và An Phát nói riêng.

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho HSC và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tương đối tốt.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát phụ thuộc vào tình hình thị trường của ngành sản xuất kinh doanh bao bì nhựa. Tuy nhiên chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng

đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát cung cấp, thông tin thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Công ty sẽ thực hiện các thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành thêm theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành (trái phiếu, hợp đồng thuê sử dụng đất...)

Không có.

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 83.599.988 cổ phiếu.

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến cho cổ đông hiện hữu là 14.000 đồng/cổ phiếu.

5. Phương pháp tính giá

Căn cứ tính giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp Giá trị sổ sách (BV) và Giá thị trường (P) để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2017 là 19.437 đồng/cổ phiếu:

$$\begin{aligned}\text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{1.624.970.288.622}{83.599.988} = 19.437 \text{ đồng/cổ phiếu}\end{aligned}$$

- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2017 là 16.303 đồng/cổ phiếu:

$$\begin{aligned}\text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{1.362.971.011.485}{83.599.988} = 16.303 \text{ đồng/cổ phiếu}\end{aligned}$$

- Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu AAA bình quân 60 phiên gần nhất (từ ngày 30/10/2017 đến ngày 22/01/2018) là 31.900 đồng/cổ phiếu.

Đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, những cổ đông muốn gắn bó lâu dài với Công ty, cùng chung tay góp sức đưa Công ty ngày càng phát triển nên ĐHĐCĐ đã thông qua mức giá chào bán là: 14.000 đồng/cổ phiếu tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 8/2/2018. Đây là mức giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất và được chiết khấu 56,11% so với giá trị cổ phiếu AAA đang được giao dịch trên thị trường.

6. Phương thức phân phối

- Cổ phiếu sẽ được chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 83.599.988 cổ phiếu
- Sau khi kết thúc chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu mà Công ty không bán hết số cổ phiếu như đăng ký, theo ủy quyền tại Nghị quyết số 080201/2018/NQ-ĐHĐ

ngày 08/02/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị chủ động tìm kiếm, lựa chọn các nhà đầu tư khác và thực hiện phân phối số cổ phiếu chưa chào bán hết cho các nhà đầu tư này với giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu, đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành.

- Việc phát hành tuân thủ quy định tại Khoản 2, Điều 189 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của Công ty mẹ”.
- Phương thức phân phối: theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau

a. Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (“quyền mua”)

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông AAA để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 Cổ phiếu AAA sẽ được hưởng 01 quyền mua, 01 quyền mua sẽ được mua 01 Cổ phiếu AAA.
- Đối với số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền và số cổ phiếu cổ đông thực hiện quyền không hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện tại.
- Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông AAA thông qua các Công ty Chứng khoán (“CTCK”) – Thành viên lưu ký của VSD.
- Trường hợp cổ đông AAA chưa lưu ký, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

b. Chuyển nhượng quyền mua

Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.

Đối với cổ đông AAA đã lưu ký:

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền mua và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông AAA mở tài khoản giao dịch, với thủ tục cụ thể như sau:

- Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại CTCK bên chuyển nhượng mở tài khoản lưu ký. CTCK bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một CTCK.
- Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông AAA do VSD thực

hiện.

- Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng quyền mua, CTCK bên chuyển nhượng phải nhập giao dịch chuyển nhượng quyền mua qua cổng giao tiếp điện tử và gửi đến VSD các chứng từ sau:
 - i. Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua chứng khoán;
 - ii. Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin tại trang web của các Sở giao dịch chứng khoán (nếu có) về việc chuyển nhượng quyền mua của các đối tượng thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định;
 - iii. Tài liệu liên quan khác (nếu có).
- Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng quyền mua đầy đủ và hợp lệ, VSD xác nhận vào Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua và gửi cho CTCK liên quan.

Đối với cổ đông AAA chưa lưu ký:

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại:

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát - Phòng Kế toán

Địa chỉ: Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương.

c. Đăng ký thực hiện quyền mua

Cổ đông AAA sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đăng ký thực hiện quyền mua tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát - Phòng kế toán - Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Đối với số cổ phiếu AAA không bán hết, ĐHCĐ Công ty đã ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, với giá chào bán theo nguyên tắc không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu AAA là 14.000 đồng/cổ phiếu.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn quy định trên, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Thời gian phát hành dự kiến: Trong năm 2018 và sau khi được UBCKNN chấp thuận việc phát hành.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến như sau:

Bảng 38: Các mốc thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Ngày T là ngày theo lịch

Bước	Công việc	Thời gian thực hiện
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	T
2	An Phát thực hiện công bố thông tin về đợt phát hành	T+1 đến T+12
3	Gửi hồ sơ đến VSD, thông báo về việc thực hiện quyền mua cho cổ đông AAA gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua... (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng dự kiến là: T+17)	T+1 đến T+3
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua	T+20 đến T+22
5	Cổ đông AAA nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua (số lượng Cổ phiếu AAA mà cổ đông được quyền mua tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phiếu AAA tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền).	T+29 đến T+31
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành ra công chúng	T+30 đến T+42
7	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua Cổ phiếu	T+30 đến T+52
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký thực hiện quyền mua	T+53 đến T+64
9	HĐQT phân phối số cổ phiếu AAA không bán hết (nếu có)	T+64 đến T+70
10	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	T+70 đến T+80

- Bước 1: Ngày T là ngày theo lịch (không phải ngày làm việc).
- Bước 2: Công bố thông tin trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán có hiệu lực.
- Bước 3: Theo quy định, gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ tới VSD chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng (“ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do Công ty ấn định để xác định Danh sách người sở hữu cổ phiếu AAA được hưởng quyền mua (“danh sách”). Dự kiến T+17 là ngày đăng ký cuối cùng).
- Bước 4: Theo quy định, trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách.
- Bước 5: Theo quy định, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty Chứng khoán gửi cổ đông AAA thông báo về việc sở hữu quyền mua.
- Bước 6: Theo quy định tại mục 6. Chuyển nhượng quyền mua. Cổ đông hiện hữu được

chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.

- Bước 7: Theo quy định, thời hạn đăng ký mua (kể từ khi cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua) tối thiểu là 20 ngày.
- Bước 8: Theo quy định, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký mua.
- Bước 9: Dự kiến thời gian để HĐQT hoàn tất việc phân phối cổ phiếu còn lại khoảng 1 tuần.
- Bước 10: Theo quy định, trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu AAA dự kiến cho nhà đầu tư, tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông AAA; và đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Lịch trình phân phối cổ phiếu chính thức sẽ được công bố chi tiết khi AAA được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Phương thức thanh toán:

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Các cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản;
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Các cổ đông đăng ký mua tại Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát - Lô CN 11 + CN 12, cụm Công nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đồng thời nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa (xem số tài khoản phong tỏa tại mục V.13).

Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: bằng số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không có

9. Phương thức thực hiện quyền

Công ty sẽ thông báo tới các cổ đông về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu và ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua, dự kiến trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Cổ đông có tên trong Danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ mua đã quy định. Các cổ đông sẽ đăng ký mua và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa của Công ty.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.
- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Tại thời điểm 18/1/2018, có 134 nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 12,31% cổ phần của Công ty.
- Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đã rà soát danh mục hàng hóa mà Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không được quyền phân phối theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương và cam kết các hàng hóa Công ty đang thực hiện phân phối không thuộc phạm vi hạn chế phân phối đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT

Công ty cam kết Công ty đáp ứng các điều kiện liên quan theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan và điều ước quốc tế đối với đợt chào bán.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (không chuyển nhượng cho người thứ ba).

Số lượng cổ phiếu AAA chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày hoàn tất việc phân phối.

- Về phương án xử lý trong trường hợp chào bán không hết số cổ phiếu đăng ký chào bán, Công ty cam kết sẽ thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 7, Điều 1, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ. Trong trường hợp Công ty thực hiện phân phối số cổ phiếu không bán hết trong đợt phát hành này cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu thì số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ

ngày hoàn thành đợt chào bán.

12. Các loại thuế có liên quan

12.1. Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

a. Thuế giá trị gia tăng

Chi tiết mức thuế GTGT áp dụng với các hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Thuế suất 10%: áp dụng với tất cả các dịch vụ.

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tại thời điểm lập Bản cáo bạch, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1, Nhà máy số 2, Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 20%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

c. Các loại thuế khác

Các loại thuế khác như: Thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân... Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành tại Việt Nam. Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

12.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

❖ Theo quy định tại Điều 3, Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3, Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

❖ Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- ❖ Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

- ❖ Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ bán CP = 0,1% x Tổng giá trị CP bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
- Số tài khoản phong tỏa: 118002650933
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 08/02/2018 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, số tiền thu được từ đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

- ❖ Đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát để đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp nhựa kỹ thuật cao tại Khu Công nghiệp Kenmark – Việt Hòa – Hải Dương (Nhà máy số 09);
- ❖ Đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất bao bì màng phức hợp (Nhà máy số 08).

Bảng 39: Chi tiết phân bổ vốn cho từng dự án như sau

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (Công ty con của Công ty) để đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp nhựa kỹ thuật cao tại Khu Công nghiệp Kenmark – Việt Hòa – Hải Dương (Nhà máy số 09)	810.000.000.000
2	Đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất bao bì màng phức hợp (Nhà máy số 08)	360.399.832.000
	Tổng cộng	1.170.399.832.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

2. Phương án khả thi

2.1. Dự án Nhà máy sản xuất bao bì màng phức hợp (Nhà máy số 08)

Phương án khả thi được lập bởi Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

2.1.1. Giấy tờ pháp lý của dự án:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 051710/2016/NQ-ĐHĐ ngày 17 tháng 10 năm 2016;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 080201/2018/NQ-ĐHĐ và Nghị quyết HĐQT số 090201/2018/NQ-HĐQT ngày 09/02/2018;
- Quyết định số 185/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ngày 13 tháng 01 năm 2017: Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất bao bì màng phức hợp của Công ty Cổ phần nhựa và Môi trường xanh An Phát.

2.1.2. Mục tiêu, quy mô của dự án

- Mục tiêu của dự án:
 - o Sử dụng thế mạnh nguồn vốn và nhân lực xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo cung cấp các mặt hàng bao bì màng phức hợp xuất khẩu sang các nước trên thế giới.
 - o Giải quyết được việc làm cho người lao động địa phương.
 - o Đóng góp vào ngân sách nhà nước mỗi năm hàng chục tỷ đồng.
- Quy mô dự án: Quy mô dự kiến tăng thêm: 7.200 tấn sản phẩm/năm.

2.1.3. Địa điểm xây dựng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Diện tích đất xin thuê: 98.088 m².

Vị trí cụ thể:

- Phía Bắc: giáp sông đường 5;
- Phía Nam: giáp Công ty CP Môi trường xanh An Phát;
- Phía Đông: giáp đất canh tác;
- Phía Tây: giáp Công ty Thành Phát.

2.1.4. Nguyên liệu sản xuất

- Bao bì nhựa phức hợp: dùng các loại hạt nhựa BOPP/PE, PA/PE, CELLO/OPP.PE...
- Khác với bao bì một lớp mực in được in chủ yếu nằm ở bên ngoài của bao bì do đó dễ bị nhòe và bong tróc trong quá trình vận chuyển, bao bì phức hợp có lớp mực in được in ở bên trong nằm giữa. Do đó, bao bì có độ chùng màu chính xác, tạo được hình ảnh đẹp rõ ràng và không bị tróc bởi các tác nhân bên ngoài. Thêm vào đó, keo và mực in được ngăn bởi một lớp màn bên trong, cực kỳ an toàn vệ sinh cho người dùng.
- Tất cả các nguyên vật liệu chính và phụ nêu trên, các linh kiện, các phụ tùng, các bộ phận sẽ được mua tại thị trường Việt Nam hoặc nhập khẩu từ các nước có sản lượng lớn và có tính cạnh tranh.

2.1.5. Các sản phẩm nhà máy dự kiến sản xuất

Các sản phẩm bao bì màng phức hợp:

- Màng ghép OPP/PP
- Màng ghép OPP/PE

- Màng ghép PA/PE
- Màng ghép OPP/MCPP
- Màng ghép OPP/AL/PE
- Màng ghép PET/MPET/PE
- Màng ghép PET/AL/PE

2.1.6. Thị trường đầu ra

Không giống như bao bì nhựa một lớp, bao bì phức hợp là bao bì được ghép từ nhiều màng nhựa khác nhau và là công nghệ sản xuất bao bì được ưa thích nhất hiện nay. Nó có khả năng phát huy được tất cả ưu điểm của các lớp màng chất liệu khác nhau đồng thời khắc phục được những yếu điểm của chúng. Mặc dù bao bì luôn gắn liền với chúng ta trong đời sống, nhưng những gì chúng ta biết về chúng thực sự chưa nhiều. Sự hiểu biết rõ về các sản phẩm này sẽ giúp chúng ta có thể chọn được những giải pháp tốt nhất trong việc đóng gói hàng hóa của mình.

Bao bì phức hợp là loại bao bì được ghép từ các màng mỏng khác nhau. Đặc điểm để nhận ra bao bì dạng này là bề mặt mịn màng và chữ rất rõ nét, điển hình chúng ta có thể thấy qua các bao bì như bao bì cafe, bao bì mít sấy khô, v.v... Những bao bì này thoát nhìn thì mỏng manh nhưng độ bền khá lớn, có khả năng chống được va đập ở trong một số trường hợp nhất định, và khả năng chống thấm là 100%.

Sản phẩm của Công ty sẽ được cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất đồ ăn, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chế biến trong nước và xuất khẩu sang các nước Châu Âu, Nhật...

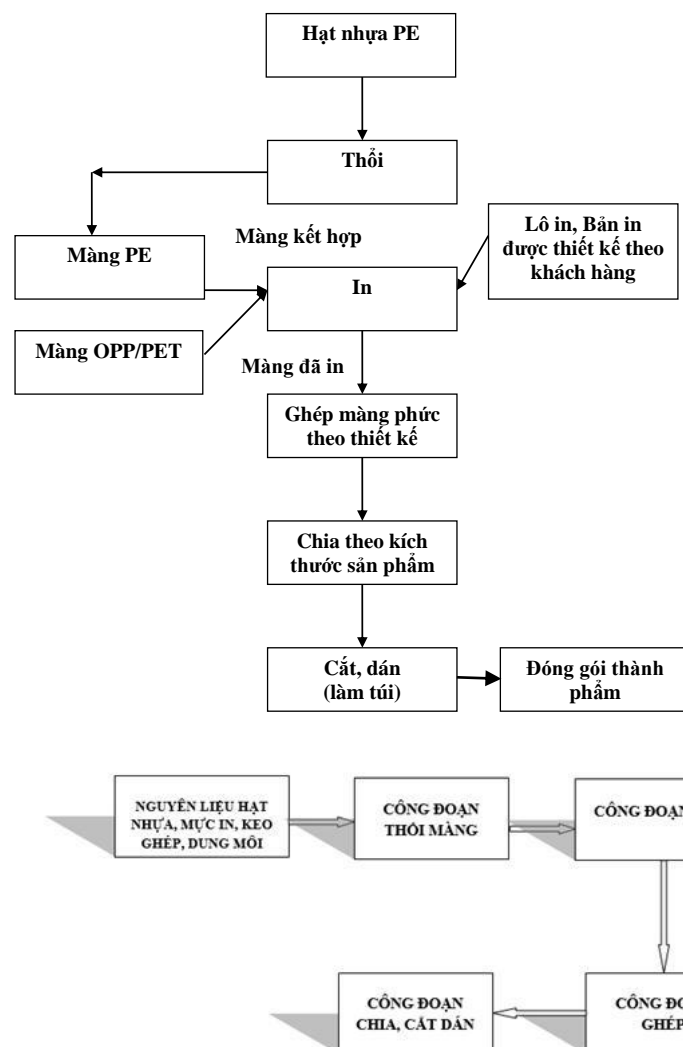
2.1.7. Quy trình công nghệ

Căn cứ vào chủng loại, quy cách bao bì ở bảng sau, Công ty xây dựng quy trình công nghệ.

Chủng loại	Chất liệu - cấu tạo	In - quy trình sản xuất thành phẩm	Tính chất	Công dụng	Ghi chú
MỘT SỐ MÀNG GHÉP PHỨC HỢP	Màng ghép OPP/OPP - 30% OPP (ngoài để in) - 70% CPP có 30% PE (trong) - Dày max: 55 mic	In ống đồng - OPP ngoài để in - CPP trong để ghép hàn biên và tăng độ dai, dày của túi	Chủ yếu sử dụng bao bì gấp lưng - hàn đáy, seal 3 biên	- Thực phẩm: cafe hòa tan, bánh mì, may mặc... - Thức ăn gia súc: cám cao cấp...	
	Màng ghép OPP/PE - 30% OPP (ngoài) - 70% CPP có PE >70% (trong) - Dày min: 55 mic	In ống đồng - OPP ngoài để in - CPP trong để ghép hàn biên và tăng độ dai, dày của túi	Có thể làm túi có độ dày lớn		Dai, dẻo, dắt hơn OPP/OPP nhưng mặt sau mờ hơn
	Màng ghép PA/PE - PA (ngoài): 15 Mic - PE (trong): 30; 50;... Mic	In ống đồng - PA ngoài để in, chịu nhiệt, không giãn ra khi đã hút chân không			

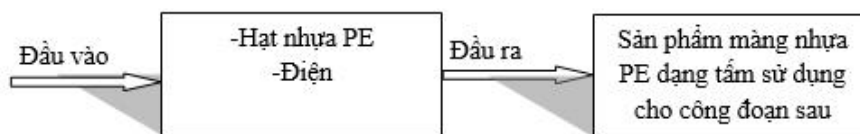
Chủng loại	Chất liệu - cấu tạo	In - quy trình sản xuất thành phẩm	Tính chất	Công dụng	Ghi chú
		- PE kết dính hàn túi và ngăn phần mực in chạm vào sản phẩm, tăng dẻo, dai			
	Màng ghép OPP/MCPPP - OPP (ngoài): 30 Mic - MCPPP (trong): 20; 30 Mic (M + CPP là 1 lớp)	- Lớp màng nhựa OPP (bóng, mờ) dày TB 20; 30 Mic, rộng 0,6-1,1m, dài cuộn 4000: in đẹp - Lớp tráng M (metalize) là hợp chất kim bạc trắng sáng, dày TB 20-30 Mic: Ngăn ánh sáng, giữ mùi, vệ sinh - Lớp màng nhựa CPP dạng cuộn, dày 20-30Mic; rộng 0,6-1,1m; dài 4000m. Sử dụng trong cùng ánh sáng và nhiệt độ để hàn biên và đáy, tăng độ dày túi		- Túi trà, café... - Túi snack, đậu phộng...	- Màng MCPPP sáng, trong, mỏng hơn MPET/PE (màng PE) - Màng AL bề ngược sẽ thấy đường nứt và cứng
	Màng ghép OPP/AL/PE - OPP (ngoài) - AL (giữa) - PE (trong)	- OPP để in - AL ngăn ánh sáng mặt trời, gia cường cơ lý - PE dùng hàn biên và đáy, tăng độ dày SP tùy yêu cầu (rất dày)		- Túi trà, café... - Thuốc bảo vệ thực vật, thú y	
	Màng ghép PET/MPET/PE - PET (ngoài) - MPET (giữa) - PE (trong)	- PET: in ấn, ngăn mùi, chống thấm thấu - MPET: ngăn ánh sáng mặt trời, gia cường cơ lý SP - PE dùng hàn biên và đáy, tăng độ dày SP tùy yêu cầu (rất dày)		- Túi trà, café... - Thuốc bảo vệ thực vật, thú y	
	Màng ghép PET/AL/PE - PET (ngoài) - AL (giữa) - PE (trong)	- PET: in ấn, ngăn mùi, chống thấm thấu - AL ngăn ánh sáng mặt trời, gia cường cơ lý - PE dùng hàn biên và đáy, tăng độ dày SP tùy yêu cầu (rất dày)		- Túi trà, café... - Thuốc bảo vệ thực vật, thú y - Mỹ phẩm, dầu gội	

Sơ đồ quy trình công nghệ



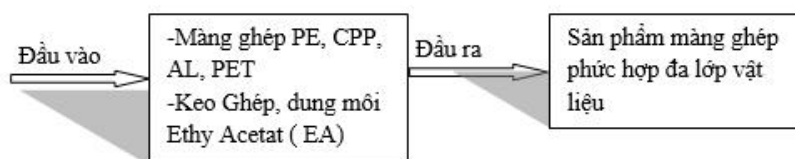
Mô tả chi tiết từng quá trình

Công đoạn thổi màng: Màng nhựa được tạo ra trực tiếp từ nhà máy từ nguyên liệu hạt nhựa nguyên chất nhập khẩu thông qua thiết bị thổi màng tạo ra các màng có quy cách khác nhau, khổ màng từ 200mm đến 1.600mm và có độ dày từ 20 đến 150 mic.

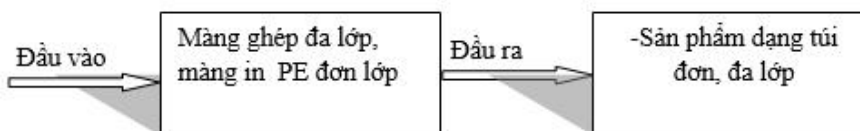


Công đoạn in: Với máy in 8 màu khổ lớn (khổ màng in 1.050mm) đáp ứng được hầu hết các sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng trên mọi chất liệu in ấn.

Công đoạn ghép: Tạo ra sản phẩm dạng màng phức hợp từ 2 đến 5 lớp vật liệu kết hợp lại với nhau.



Công đoạn chia, cắt dán: Chúng tôi có đầy đủ các thiết bị để tạo ra sản phẩm dạng túi từ màng đơn lớp đến màng phức hợp đa lớp với các dạng túi khác nhau như: túi hàn 3 biên, hàn lưng xếp hông, túi đáy đứng, túi màng đơn, các loại túi hãn ướt có đục lỗ...



Bước 1: Căn cứ vào thiết kế (design) của khách hàng, An Phát sẽ dùng hạt nhựa PE để tiến hành cho qua máy thổi để thổi thành màng nhựa.

Bước 2: Đưa màng nhựa kết hợp với màng OPP, PET, màng nhôm được luân qua quả lô hoặc bản kẽm được thiết kế đưa qua máy in: Công nhân tại máy in có thêm một nhiệm vụ là điều chỉnh hình in, sao cho đúng màu mực, đúng hình, không bị lệch.

Bước 3: Màng in được đưa qua máy ghép nóng để tạo thành màng phức hợp theo đúng kích thước. Ngoài ra, phải điều chỉnh máy chạy theo đúng số lượng túi/ một cuộn hoặc đúng trọng lượng/cuộn.

Bước 4: Màng phức sẽ được chia thành từng cuộn và tiến hành cắt cho vừa với kích thước của sản phẩm và kiểu dáng chính xác theo như yêu cầu của khách hàng.

Bước 5: Kiểm tra Đóng gói. Hàng sau làm thành túi, sẽ được đưa sang tổ đóng gói, nhiệm vụ chủ yếu là cân đo, định lượng và đóng gói theo đúng yêu cầu, sau đó đưa vào kho thành phẩm.

2.1.8. Các đặc điểm chủ yếu của công nghệ sản xuất lựa chọn

Dây chuyền công nghệ sản xuất và lắp ráp các sản phẩm mà dự án sẽ áp dụng là dây chuyền công nghệ hiện đại, tiên tiến và đồng bộ, hiện đang được sử dụng rộng rãi và có hiệu quả cao tại Nhật Bản và trên thế giới. Dây chuyền công nghệ này có những đặc điểm nổi bật sau:

- Trình độ công nghệ tiên tiến, có độ chính xác cao.

- Phù hợp với quy mô đầu tư lựa chọn.
- Sử dụng hợp lý nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng và nhân lực.
- Chất lượng sản phẩm có thể được khẳng định trong suốt quá trình sản xuất.
- Đảm bảo an toàn đối người lao động và với môi trường.

Không giống như bao bì nhựa một lớp, bao bì phức hợp là bao bì được ghép từ nhiều màng nhựa khác nhau và là công nghệ sản xuất bao bì được ưa thích nhất hiện nay. Nó có khả năng phát huy được tất cả ưu điểm của các lớp màng chất liệu khác nhau đồng thời khắc phục được những yếu điểm của chúng.

2.1.9. Chất lượng sản phẩm

2.1.10. Tổng mức đầu tư của dự án

Tổng vốn đầu tư: 498.646.000.000 đồng, bằng chữ: Bốn trăm chín mươi tám tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư là 360.399.832.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ ba trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng), được huy động từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Vốn tự có của chủ sở hữu: 138.246.168.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Cụ thể :

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Thành tiền
I	Vốn cố định	472.646.482.000
1	Chi phí giải phóng mặt bằng	23.737.296.000
2	Chi phí xây dựng	116.379.186.000
3	Chi phí thiết bị	329.890.000.000
4	Chi phí khác	2.640.000.000
II	Vốn lưu động	25.999.518.000
	Tổng vốn đầu tư	498.646.000.000

Trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng tạm tính: 23.737.296.000 đồng
- Chi phí xây dựng:

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên hạng mục	Thành tiền
1	Nhà xưởng	85.714.200.000
2	Hệ thống trạm điện và dây điện	3.960.000.000
3	Tường bao	1.509.090.000
4	Sân + đường nội bộ	8.063.660.000
5	Bể xử lý nước thải	88.000.000
6	Nhà để xe	2.310.000.000

TT	Tên hạng mục	Thành tiền
7	Cây xanh	1.786.620.000
8	San lấp	12.947.616.000
	Tổng cộng	116.379.186.000

- Chi phí thiết bị:

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
A	<i>Dây chuyền sản xuất màng phức</i>			13.320.000	293.040.000.000
1	Máy thổi, cán màng, PE khổ lớn	Máy	6	1.350.000	29.700.000.000
2	Máy in	Máy	6	4.650.000	102.300.000.000
3	Máy Ghép	Máy	6	1.710.000	37.620.000.000
4	Máy chia	Máy	6	360.000	7.920.000.000
5	Máy làm túi	chiếc	6	5.250.000	115.500.000.000
B	<i>Máy móc phụ trợ</i>			1.080.000	23.760.000.000
1	Máy nén khí	Máy	6	450.000	9.900.000.000
2	Máy tiện	Máy	6	180.000	3.960.000.000
3	Trạm biến áp 1500KVA	Máy	3	450.000	9.900.000.000
C	<i>Thiết bị khác</i>			595.000	13.090.000.000
1	Xe nâng	Xe	7	315.000	6.930.000.000
2	Xe tải	Xe	6	180.000	3.960.000.000
3	Thiết bị văn phòng			100.000	2.200.000.000
	Tổng cộng				329.890.000.000

2.1.11. Hiệu quả đầu tư

- Lợi nhuận thuần trong 3 năm là: 391.455.539.662 đồng
- Khấu hao 3 năm là: 166.732.673.800 đồng
- Thời gian hoàn vốn dự kiến khoảng gần 3 năm

2.1.12. Hiệu quả xã hội của dự án

Việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì màng phức hợp tại thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương không những mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty, tăng đóng góp cho ngân sách địa phương mà còn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Bên cạnh đó, dự án sẽ triệt để khai thác thế mạnh nguồn nhân lực tại địa phương, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

2.1.13. Tiến độ thực hiện dự án

- Thời gian hoàn thiện các thủ tục về đầu tư và xây dựng: từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 1 năm 2017 (đã thực hiện hoàn tất).
- Thời gian xây dựng: từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 03 năm 2019

- Thời gian lắp đặt máy móc thiết bị: từ tháng 03 đến tháng 6 năm 2019
- Tuyển dụng lao động: từ tháng 03 đến tháng 6 năm 2019
- Chạy thử: từ tháng 06 năm 2019
- Đi vào sản xuất chính thức: từ tháng 12 năm 2019

2.1.14. Tiến độ dự án đến thời điểm hiện tại

Công ty hiện đang triển khai công tác xây dựng; triển khai các gói thầu của dự án, công tác tuyển dụng đào tạo cán bộ công nhân viên cho nhà máy.

Bảng 40: Phần công việc đã thực hiện của DA Nhà máy số 08

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện	Nguồn vốn
1	San lấp mặt bằng	CTCP Kết cấu thép Đông Anh	31.882.792.727	Vốn tự có
2	Hoàn thiện hệ thống cống rãnh	CTCP Bình Minh Đất Việt	3.814.010.909	Vốn tự có
	Tổng cộng		35.696.803.636	

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

2.2. Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp nhựa kỹ thuật cao tại Khu Công nghiệp Kenmark – Việt Hòa – Hải Dương (Nhà máy số 09)

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (Công ty con của Công ty) để đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp nhựa kỹ thuật cao tại Khu Công nghiệp Kenmark – Việt Hòa – Hải Dương (Nhà máy số 09).

2.2.1. Mục tiêu và quy mô của dự án

Công ty sẽ thực hiện đầu tư dây chuyền máy móc hiện đại, xây dựng nhà xưởng quy mô lớn với các thiết bị tiên tiến nhằm mục đích sản xuất các sản phẩm chất lượng phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu sang các thị trường EU, Nhật Bản, Trung Quốc châu Mỹ và châu Úc với các sản phẩm sau:

- Nhựa ép linh phụ kiện thiết bị điện tử, ô tô – xe máy, và các linh kiện nhựa cho ngành công nghiệp phụ trợ khác
- Bao bì công nghiệp (VD: bao bì dệt PP, bao jumbo, bao sling)

Công suất của nhà máy:

- Nhựa ép linh phụ kiện: 210.000.000 sản phẩm/năm
- Bao bì công nghiệp: 14.000 tấn/năm

Doanh thu dự kiến của Dự án: sản phẩm của Công ty được phân phối tại thị trường trong nước và xuất khẩu với doanh thu cụ thể như sau:

Sản phẩm	Sản lượng/năm	Doanh thu (đồng/năm)
----------	---------------	----------------------

Nhựa ép linh phụ kiện	210.000.000 sản phẩm	1.543.794.000.000
Bao bì công nghiệp	1.149 tấn	818.210.000.000
Tổng cộng		2.362.004.000.000

2.2.2. **Vốn đầu tư thực hiện dự án**

- ❖ Tổng vốn đầu tư dự kiến: 860.303.000.000 đồng
Nguồn vốn thực hiện:
 - Vốn tự có của Công ty: 50.303.000.000 đồng, tương đương 5,8% tổng mức vốn đầu tư;
 - Vốn góp từ CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát: 810.000.000.000 đồng, tương đương 94,2% tổng mức vốn đầu tư.
- ❖ **Cơ cấu vốn đầu tư của dự án:**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục	Giá trị
TỔNG VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN		860.303.000.000
I	Quyền sử dụng đất và nhà xưởng	200.000.000.000
II	Sửa chữa, cải tạo nhà xưởng	22.276.000.000
III	Tài sản cố định	544.332.000.000
	Máy móc, thiết bị	534.241.000.000
	Phương tiện vận tải	8.038.000.000
	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.893.000.000
	Phần mềm máy tính	160.000.000
IV	Chi phí vận hành thử	52.107.000.000
	Chi phí nguyên liệu	36.207.000.000
	Chi phí nhân sự	12.668.000.000
	Chi phí điện nước	3.233.000.000
V	Dự phòng	31.130.000.000
VI	Vốn lưu động năm đầu	62.565.000.000

2.2.3. **Tiến độ thực hiện dự kiến**

Dự án Xây dựng tổ hợp nhựa kỹ thuật cao sẽ được triển khai với lộ trình thực hiện dự kiến như sau:

- Xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư: Quý 1/2018
- Xin cấp Giấy phép xây dựng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Quý 1/2018
- Thời gian xây dựng: Từ tháng 3/2018 đến hết Quý 2/2018
- Thời gian lắp đặt máy móc thiết bị: Từ Quý 2/2018
- Tuyển dụng lao động: Từ Quý 2/2018
- Chạy thử: Từ Quý 2/năm 2018
- Vận hành đồng bộ và sản xuất chính thức: Từ Quý 1/2019

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư sẽ thực hiện theo tiến độ triển khai xây dựng của dự án.
Hiện tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát đang trong quá trình xúc tiến xin Giấy chứng nhận đầu tư dự án tại Ban quản lý các Khu công nghiệp của tỉnh Hải Dương.

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 08/02/2018 và Nghị quyết HĐQT số 090201/2018/NQ-HĐQT ngày 09/02/2018 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng đầu tư như sau:

Bảng 41: Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng đầu tư như sau

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (Công ty con của Công ty) để đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp nhựa kỹ thuật cao tại Khu Công nghiệp Kenmark – Việt Hòa – Hải Dương (Nhà máy số 09)	810.000.000.000
2	Đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất bao bì màng phức hợp (Nhà máy số 08)	360.399.832.000
	Tổng cộng	1.170.399.832.000

Theo nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong Nghị quyết ĐHĐCĐ số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 08/02/2018 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, trong trường hợp chào bán không hết, Công ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc vay ngân hàng nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện các mục đích sử dụng vốn nêu trên.

Bảng 42: Kế hoạch giải ngân số tiền thu được cụ thể như sau

TT	Thời gian	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ
1	Từ cuối Quý II năm 2018 tới Quý I năm 2019	Đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát để đầu tư dự án Nhà máy 09 sản xuất nhựa công nghệ cao, linh kiện điện tử	810.000.000.000	69%
2	Từ cuối Quý II năm 2018 tới Quý I năm 2019	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất số 8 với các dòng sản phẩm: Bao bì tự hủy sinh học, hạt compounds (hạt nhựa tổng hợp), Nhựa ép, Bao bì công nghiệp	360.399.832.000	31%
		Tổng cộng	1.170.399.832.000	100%

Đại hội đồng Cổ đông đã nhất trí Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tùy theo tình hình thực tế sẽ có thể linh hoạt điều chỉnh và phân bổ nguồn tiền thu được từ việc chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được nêu.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Địa chỉ: Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3823 3299

Fax: (84-28) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6664 2777

Fax: (84-24) 6664 3777

Website: www.ifcvietnam.com.vn

Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) có một số nhận định như sau:

Tổng giá trị số vốn phát hành đợt này là 835.999.880.000 đồng, tăng thêm 100% so với Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát và đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất bao bì màng phức hợp (Nhà máy số 08). Đây là kế hoạch tăng vốn và sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cân nhắc kỹ và đệ trình cho các cổ đông xem xét tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Với mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 14.000 đồng/cổ phiếu là mức giá khá hấp dẫn so với giá đang giao dịch trên sàn HOSE nên mức độ rủi ro như chào bán không thành công khó xảy ra. Bên cạnh một số rủi ro không thể tránh khỏi về việc cổ phiếu bị pha loãng sau phát hành thì việc gia tăng nguồn vốn trong đợt phát hành này là một bước tiến cần thiết và phù hợp cho Công ty để triển khai các kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT), TỔ CHỨC TƯ VẤN, TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Hải Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM ÁNH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN LÊ TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

HÒA THỊ THU HÀ

NGUYỄN THỊ GIANG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. **Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
4. **Phụ lục IV:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán
5. **Phụ lục V:** Các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư
6. **Các phụ lục khác/.**

